

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	5
1. Tính cấp thiết của đề tài.	5
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.	6
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.	7
4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	7
5. Kết cấu khóa luận tốt nghiệp.....	7
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	8
1.1. PHÂN LOẠI HOẠT ĐỘNG VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH LỢI NHUẬN TỪNG HOẠT ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP	8
1.2. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	9
1.3. NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	10
1.4. NỘI DUNG CỦA TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	11
1.4.1. <i>Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	11
1.4.1.1. <i>Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.</i>	11
1.4.1.2. <i>Kế toán giá vốn hàng bán.</i>	14
1.4.1.3. <i>Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên</i>	16
1.4.1.4. <i>Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.</i>	21
1.4.1.5. <i>Kế toán chi phí bán hàng (CPBH).</i>	23
1.4.1.6. <i>Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	25

1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu chi phí hoạt động tài chính.....	27
1.4.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	27
1.4.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	29
1.4.3. Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác.....	30
1.4.3.1. Kế toán thu nhập khác.....	30
1.4.3.2. Kế toán chi phí khác.....	32
1.4.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	34
1.4.4.1. Kế toán chi phí thuế TNDN.....	34
1.4.2.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	35
1.5. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	37
1.5.1. Hình thức kế toán nhật ký chung.....	37
1.5.2. Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái.....	37
1.5.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	37
1.5.4. Hình thức sổ kế toán nhật ký - chứng từ.....	39
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	39
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI NHÀ MÁY X46 (CÔNG TY HẢI LONG – BQP).	40
2.1 GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY HẢI LONG - BQP	40
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Hải Long - BQP	41
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty Hải long - BQP.....	42
2.1.3. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Hải Long - BQP.....	44
2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.	45
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty Hải Long - BQP.....	48
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty Hải Long - BQP.	48
2.1.5.2. Hình thức kế toán , các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.	50
2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY HẢI LONG – BQP.	53

2.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu tại công ty Hải Long - BQP.....	53
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	53
2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	64
2.2.1.3. Kế toán doanh thu từ hoạt động tài chính.....	64
2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác.....	69
2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tại công ty Hải Long - BQP.....	73
2.2.2.1. Kế toán giá vốn bán hàng.....	73
2.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	76
2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng.....	80
2.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	85
2.2.2.5. Kế toán chi phí khác.....	90
2.2.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	94
2.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Hải Long-BQP. ...	97
CHƯƠNG III: HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ	
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY HẢI LONG-BQP.	103
3.1. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU	
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY HẢI LONG-BQP	103
3.1.1. Ưu điểm.....	103
3.1.2. Những mặt tồn tại cần khắc phục.....	105
3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH	
THU, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY HẢI LONG –	
BQP.....	106
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh	
doanh tại công ty Hải Long – BQP.....	106
3.2.2. Yêu cầu và nội dung hoàn thiện kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh	
doanh tại công ty Hải Long BQP.....	107
3.2.2.1. Yêu cầu hoàn thiện.....	107
3.2.2.2. Nội dung hoàn thiện.....	108

3.2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh tại công ty Hải Long – BQP.....	113
3.2.3.1. Về phía nhà nước và cơ quan chức năng.....	113
3.2.3.2. Về phía công ty Hải Long – BQP.....	113
KẾT LUẬN	115

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu:

Sau gần hai mươi năm nền kinh tế chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường với nhiều thành phần kinh tế dưới sự điều tiết vĩ mô của nhà nước, theo định hướng XHCN, đất nước ta có sự thay đổi về mọi mặt, dần hoà mình chung vào khu vực và thế giới. Cơ chế kinh tế mở đã tạo tiền đề cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong cả nước có cơ hội giao lưu, hội nhập, vươn lên mạnh mẽ trên thị trường, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chủ động trong kinh doanh song cũng đẩy các doanh nghiệp vào thế cạnh tranh quyết liệt. Hoạt động trong một môi trường cạnh tranh tự do, sự ganh đua lẫn nhau giữa các thành phần có lợi cho mình khiến mỗi doanh nghiệp đều phải tìm cho mình một phương thức kinh doanh phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của nền kinh tế thị trường đầy biến động. Trong quá trình cạnh tranh trên thị trường nhiều chủ doanh nghiệp không có sự năng động sáng tạo, không được trang bị kiến thức cần thiết nên không nắm được quy luật của thị trường, từ đó doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, phá sản là điều tất yếu, bên cạnh đó cũng có rất nhiều doanh nghiệp đang khẳng định vị thế của mình trên thương trường, không những trụ vững mà còn ngày càng phát triển, đẩy mạnh hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc nắm bắt kịp thời, đầy đủ, chính xác những thông tin trong và ngoài doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện cho các nhà quản lý phát huy thể chủ động và đạt hiệu quả trong kinh doanh. Để đáp ứng yêu cầu này, công cụ hữu hiệu nhất được sử dụng đó là kế toán. Hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kinh tế, tài chính, có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế. Với tư cách là công cụ quản lý kinh tế, tài chính, kế toán là một lĩnh vực gắn liền với hoạt động kinh tế, tài chính, đảm nhiệm hệ thống tổ chức thông tin có ích cho các quyết định kinh tế. Vì vậy kế toán có vai trò đặc biệt không chỉ với hoạt động tài chính nhà nước mà còn vô cùng cần thiết và quan trọng với hoạt động tài chính doanh nghiệp.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, việc phát sinh các khoản chi phí là điều tất yếu, do vậy việc quản lý và sử dụng có hiệu quả chi phí kinh doanh có ý nghĩa riêng của nó và thông tin về chúng luôn được các nhà quản trị doanh nghiệp đặc biệt quan tâm. Với hoạt động kinh doanh thương mại thì tiết kiệm chi phí là nguồn cơ bản để tăng thu nhập, từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh, trong đó chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (hay còn gọi là chi phí thời kì) là hai trong những chỉ tiêu chất lượng.

Trước tình hình hiện nay, sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp chịu tác động của rất nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan, đòi hỏi công tác kế toán phải có sự điều chỉnh thường xuyên, phù hợp với yêu cầu thực tế đặt ra, tuy nhiên phải mang tính chính xác và kịp thời. Vì thế các doanh nghiệp luôn đặt vấn đề hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh như là một nhiệm vụ trọng tâm, thiết thực nhất, có tính chất xuyên suốt trong tất cả các khâu hoạt động của doanh nghiệp.

Xuất phát từ lý do trên, qua thời gian thực tập tại công ty Hải Long - BQP, kết hợp với kiến thức đã học tập và nghiên cứu tại trường, đồng thời với sự giúp đỡ tận tình của các thầy cô giáo - đặc biệt là TS.Trần Văn Hợi, các cán bộ nhân viên phòng tài chính công ty, em đã hoàn thành chuyên đề với đề tài:

" Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại nhà máy X46 (công ty Hải Long – BQP)"

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài:

- Hệ thống hoá và làm rõ những vấn đề lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại nhà máy X46 (công ty Hải Long – BQP)

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại nhà máy X46 (công ty Hải Long – BQP) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

- Đối tượng nghiên cứu: những vấn đề lý luận chung và thực tiễn về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại nhà máy X46 (công ty Hải Long – BQP) .

- Phạm vi nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại nhà máy X46 (công ty Hải Long – BQP).

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:

- Về mặt lý luận: Luận văn góp phần làm rõ cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

- Về mặt thực tiễn: Luận văn đưa ra các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại nhà máy (công ty Hải Long – BQP) nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

5. Kết cấu của luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại nhà máy X46 (công ty Hải Long – BQP) .

Chương 3 : Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại nhà máy (công ty Hải Long – BQP).

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. PHÂN LOẠI HOẠT ĐỘNG VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH LỢI NHUẬN TỪNG HOẠT ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

* Phân loại hoạt động trong doanh nghiệp

Các hoạt động trong doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

Hoạt động SXKD: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành SXKD chính và SXKD phụ.

Hoạt động tài chính: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

* Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận HĐ SXKD} + \text{Lợi nhuận HĐTC} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận HĐ SXKD} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng, QLDN}$$

$$\text{Lợi nhuận HĐTC} = \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí tài chính}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.2. SỰ CÂN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

* Đối với các doanh nghiệp:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
- Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

* Đối với Nhà nước:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.
- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.
- Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

* **Đối với nhà đầu tư:** thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

* **Đối với các tổ chức tài chính trung gian:** Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

* **Đối với nhà cung cấp:** Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

1.3. NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

*** Nhiệm vụ của kế toán doanh thu**

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám đốc chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

*** Nhiệm vụ của kế toán chi phí**

- Căn cứ thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp

- Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý

*** Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh**

- Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.
- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định của nhà quản trị
- Phân tích, đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

1.4. NỘI DUNG CỦA TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh****1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***** Khái niệm**

- *Doanh thu*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- *Doanh thu bán hàng*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào, bán bất động sản đầu tư góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- *Doanh thu cung cấp dịch vụ*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

*** Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở

hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*** Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*** Nguyên tắc hạch toán doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư; cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào

doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phân lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo qui định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

- Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

*** Các phương thức bán hàng**

- *Phương thức bán hàng trực tiếp:* Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:* Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý:* Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số

hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng 1 tổng công ty, 1 tập đoàn, 1 xí nghiệp....

1.4.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán

*** Khái niệm**

Giá vốn hàng bán là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hoá (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ (đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

*** Các phương pháp tính giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng xuất kho được tính theo 1 trong 4 phương pháp sau:

+ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng

hoặc gần cuối kỳ.

+ Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

+ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

+ Phương pháp bình quân gia quyền

- *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

- *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

1.4.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

*** Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).

- Bảng thanh toán hàng đại lý ký gửi
- Phiếu xuất, Phiếu thu, Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

+ Tài khoản dùng để hạch toán các khoản doanh thu

- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Các tài khoản cấp 2:

TK 5111 - Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK 5118 – Doanh thu khác

- TK512 “Doanh thu tiêu thụ nội bộ”

Các tài khoản cấp 2:

TK 5121 - Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ Tài khoản dùng để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

TK521 “Chiết khấu thương mại”

TK531 “Hàng bán bị trả lại”

TK532 “Giảm giá hàng bán”

TK3331 “Thuế GTGT theo PP trực tiếp”

TK3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt” và TK3333 “Thuế xuất khẩu”:

Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB x Thuế suất (%)

Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

Thuế XK phải nộp = Giá tính thuế XK x Thuế suất (%)

+ *Tài khoản dùng để hạch toán giá vốn*

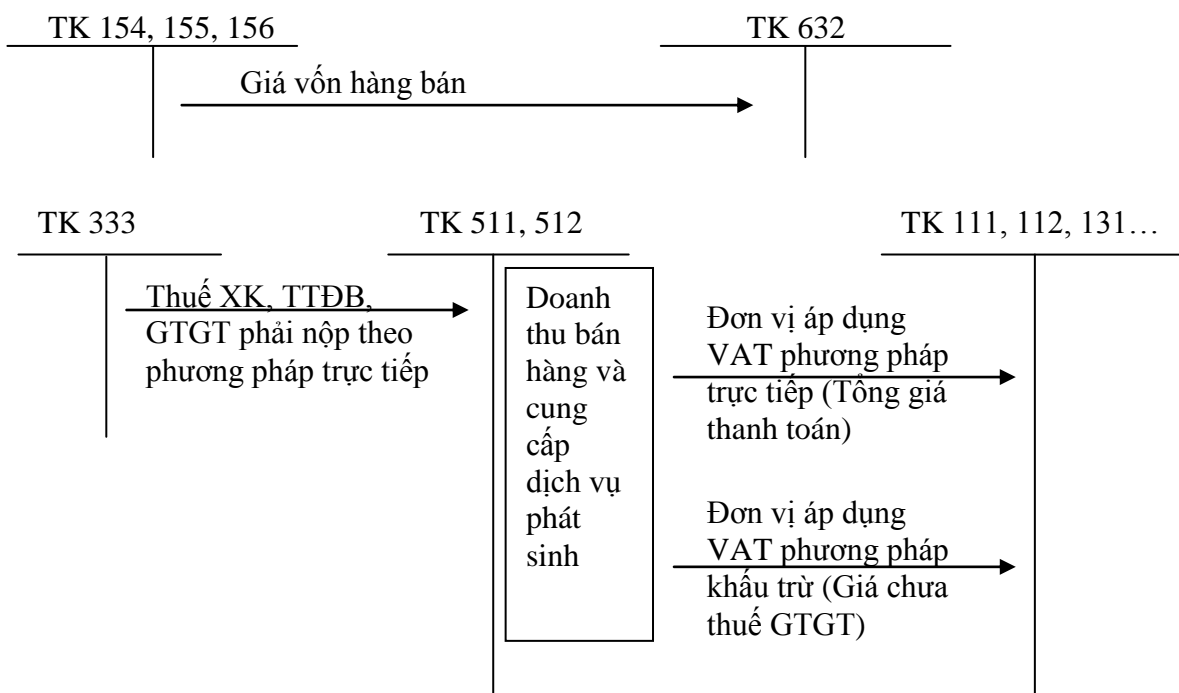
TK632 “Giá vốn hàng bán”

* *Sổ sách sử dụng*:

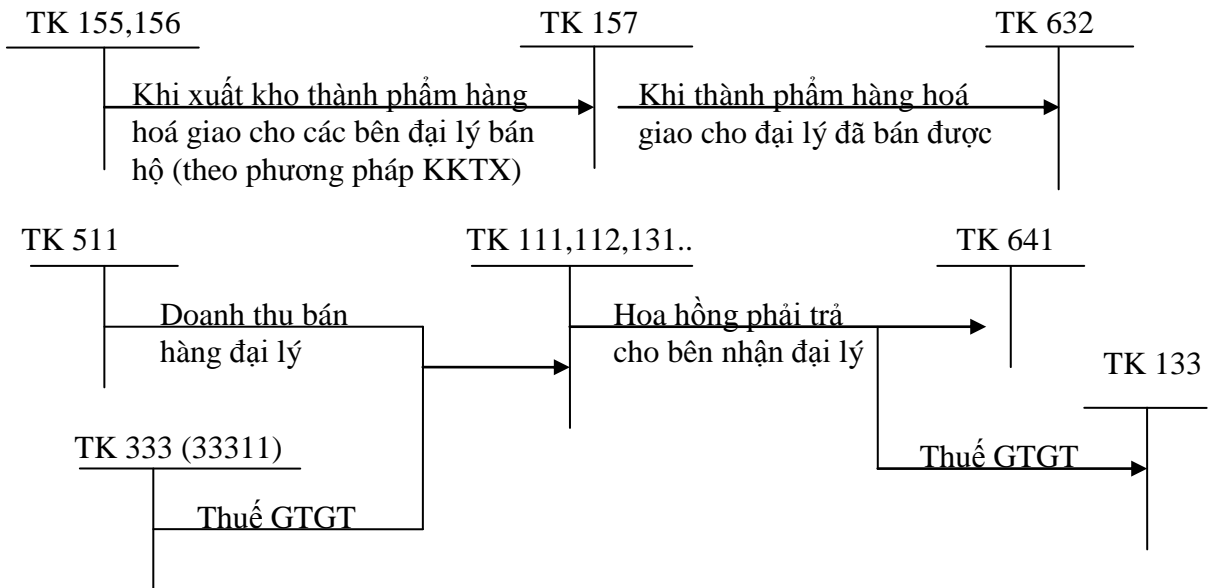
- Sổ cái TK511, 512, 521, 531, 532, 632
- Sổ chi tiết TK511, 512, 333
- Sổ đăng ký CTGS, Chứng từ ghi sổ, Bảng tổng hợp CTGS

* *Sơ đồ hạch toán*:

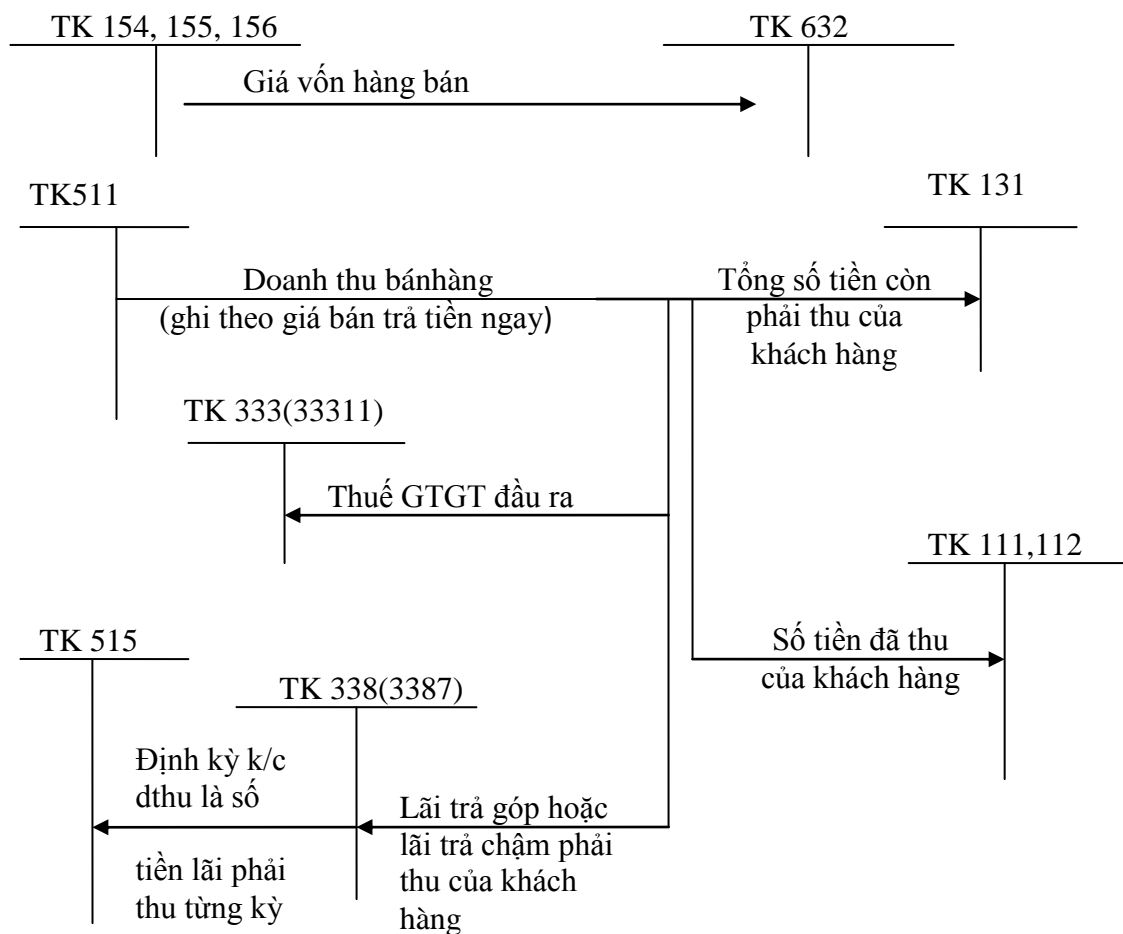
Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp



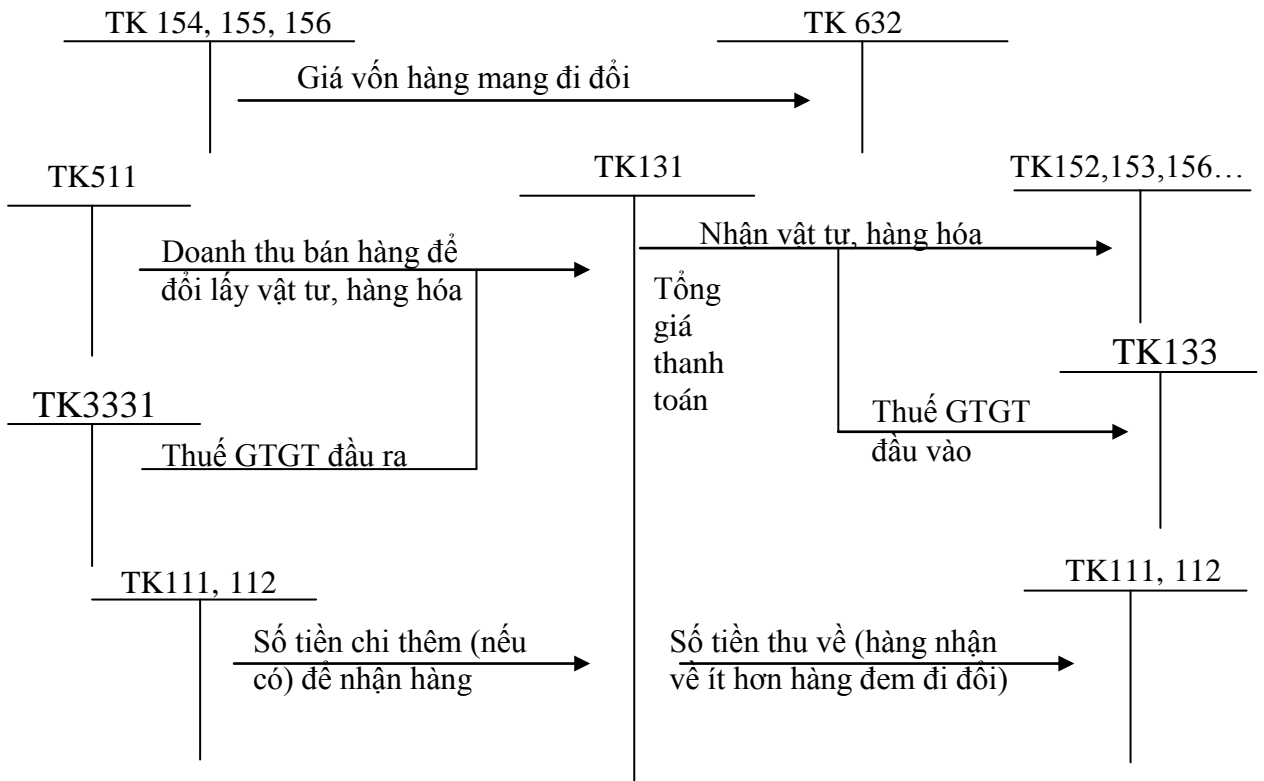
Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý
(đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng)



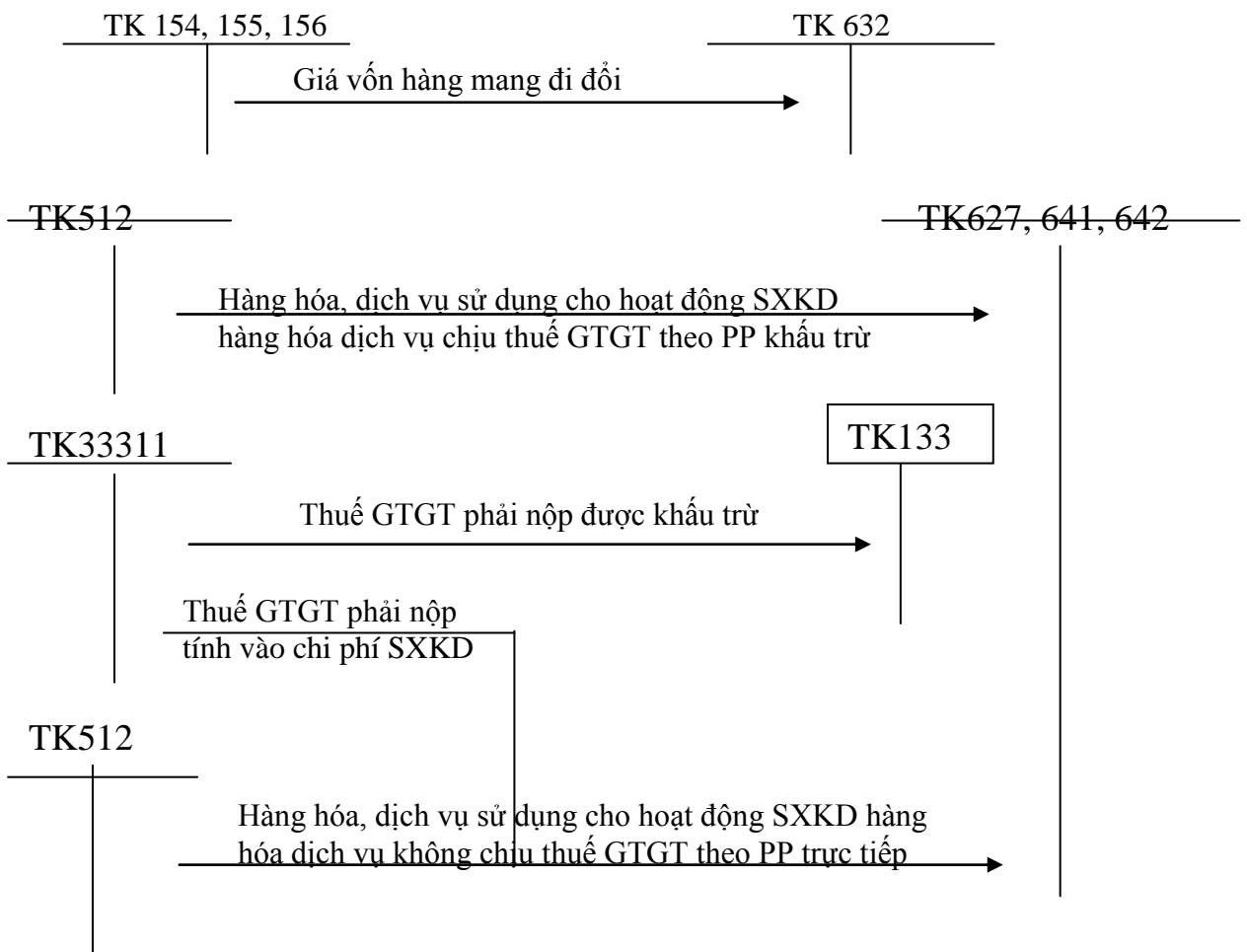
Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm (hoặc trả góp)



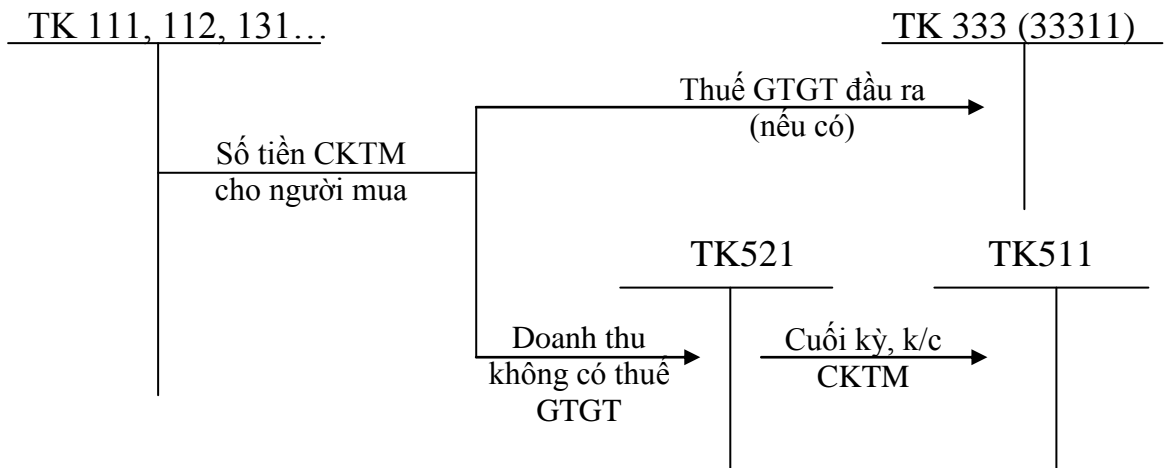
Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng



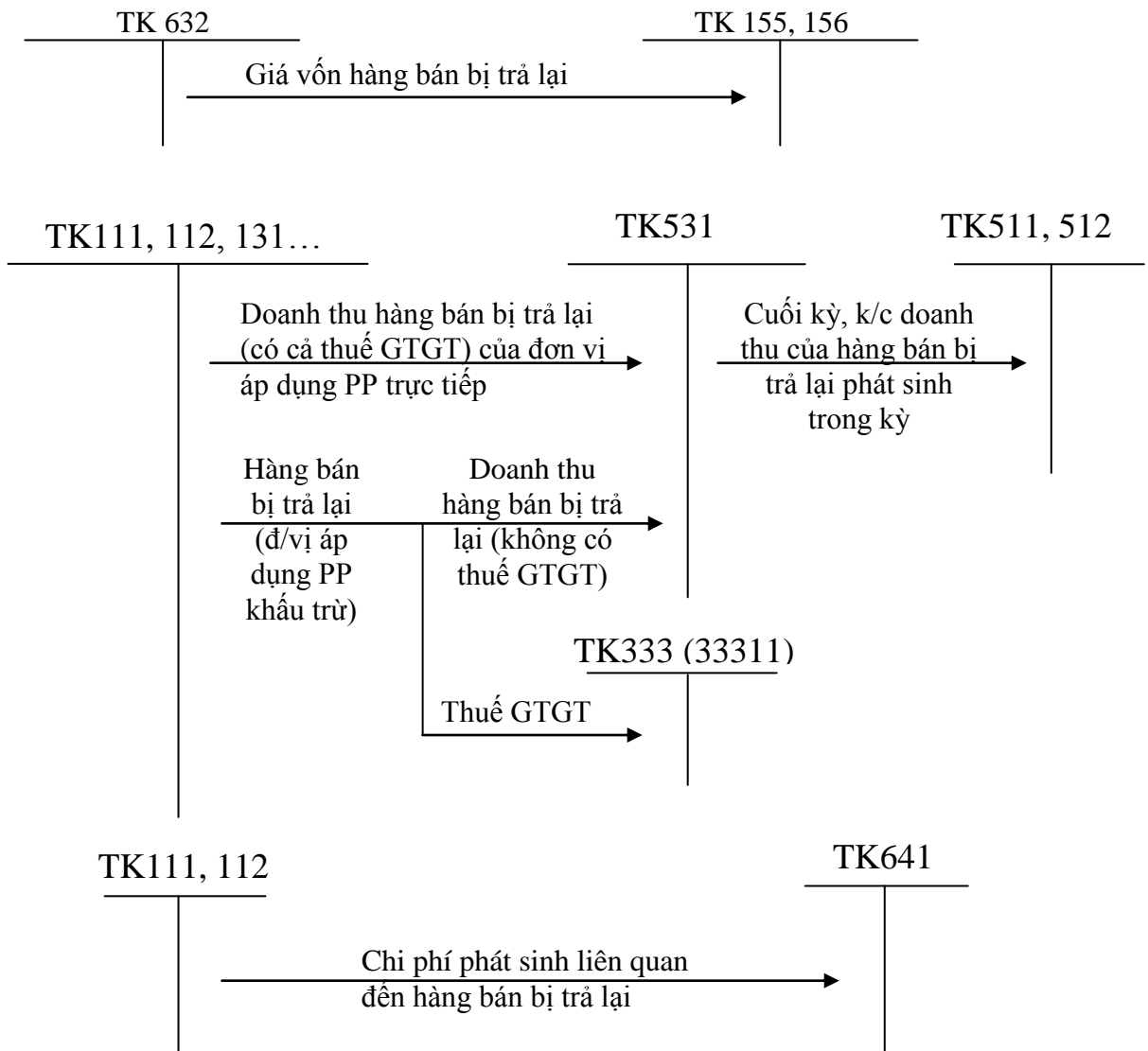
Sơ đồ 1.5: Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ

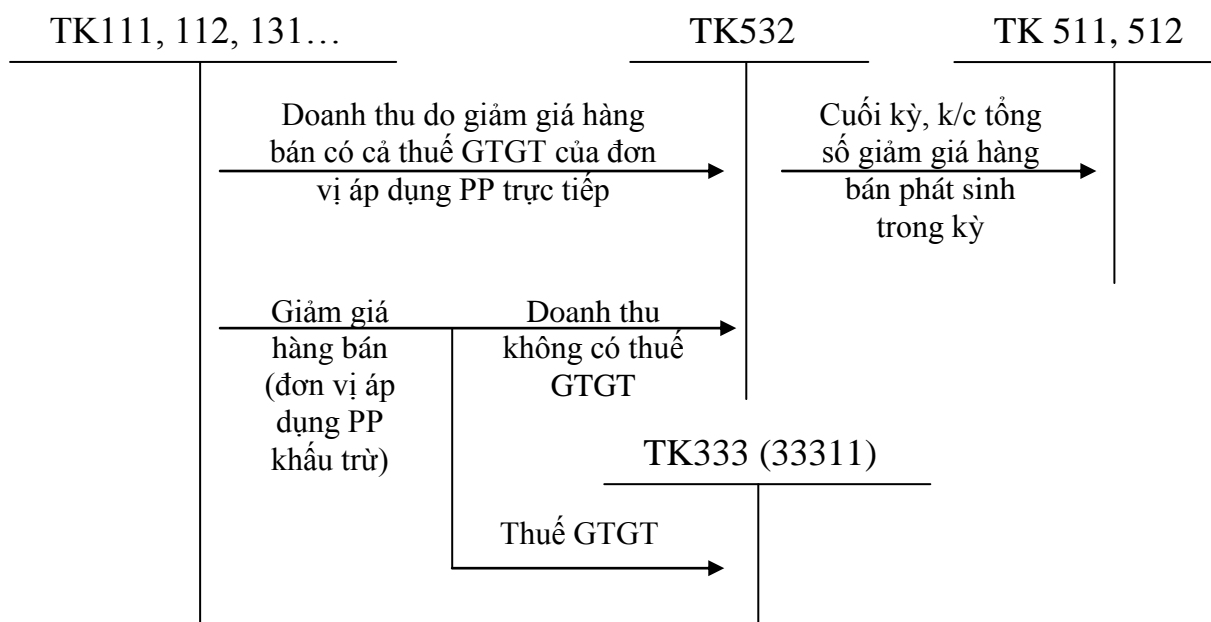


Sơ đồ 1.6: Kế toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.7: Kế toán hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.8: Kế toán giảm giá hàng bán

1.4.1.4. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK, việc hạch toán các nghiệp vụ về thành phẩm và tiêu thụ chỉ khác phương pháp KKTX trong việc xác định giá thành sản xuất thực tế (giá vốn) của sản phẩm, dịch vụ hoàn thành được nhập kho, xuất kho hay đã tiêu thụ trong kỳ. Còn việc hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu giống phương pháp KKTX

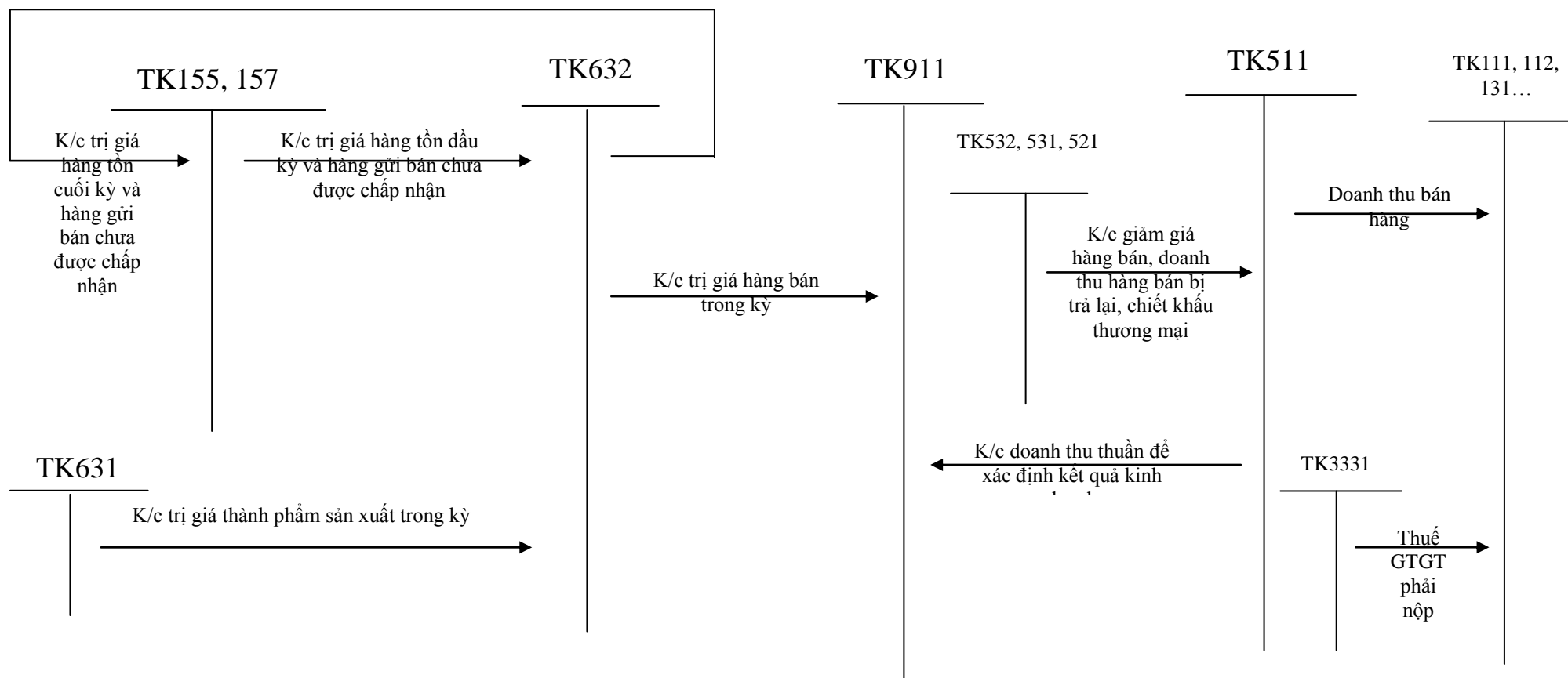
* **Chứng từ sử dụng:** Giống phương pháp kê khai thường xuyên

* **Tài khoản sử dụng:** TK 632 – giá vốn hàng bán

* **Sơ đồ hạch toán:**

Sau đây là sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Sơ đồ 1.9: Kế toán tổng hợp chi phí, doanh thu hoạt động kinh doanh hàng hóa (theo phương pháp KKĐK)



1.4.1.5. Kế toán chi phí bán hàng*** Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT).
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán...

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 641 “Chi phí bán hàng”

Các tài khoản cấp 2:

TK 6411 – Chi phí nhân viên

TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì

TK 6413 - Chi phí dụng cụ đồ dùng

TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ

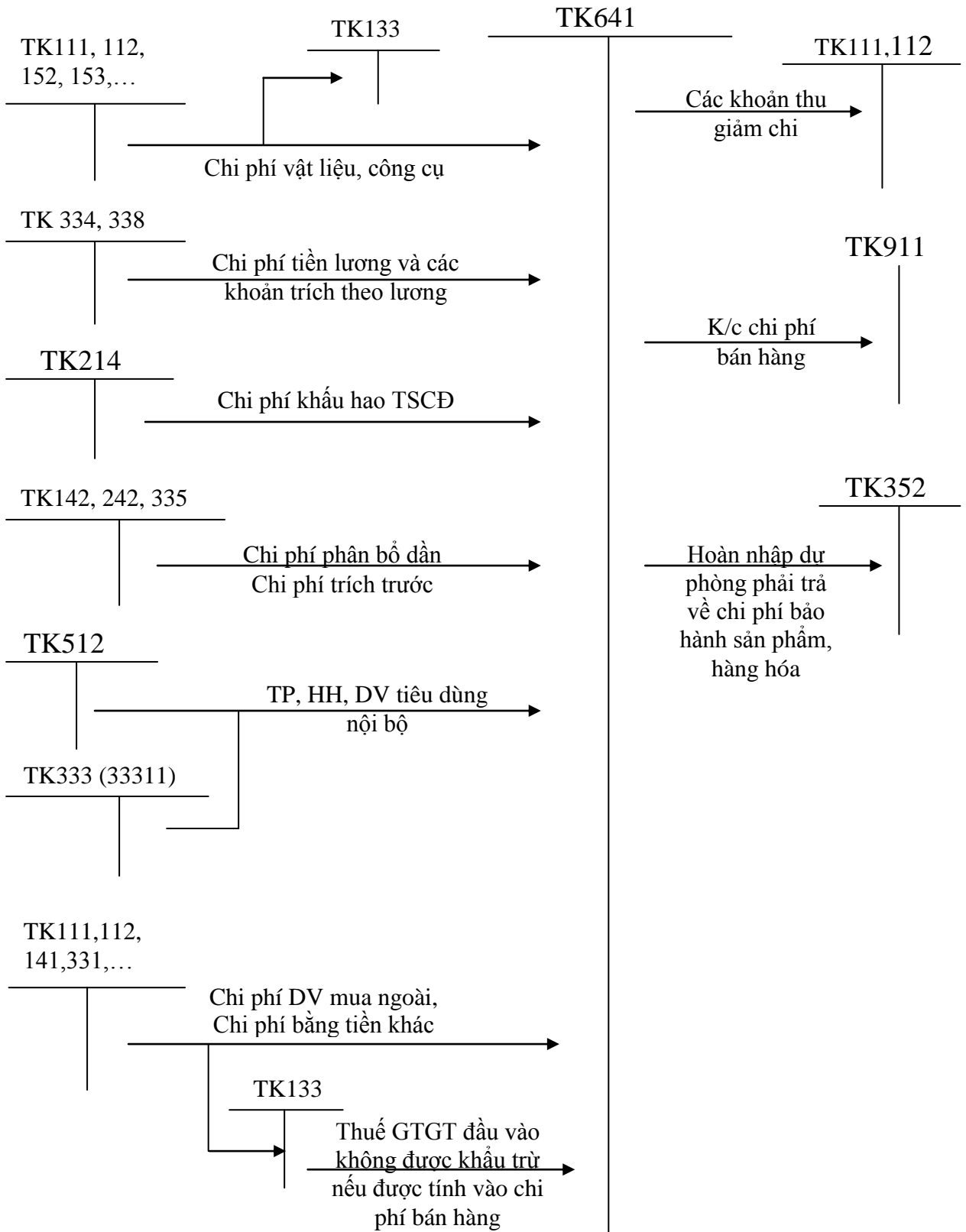
TK 6415 - Chi phí bảo hành

TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418 - Chi phí khác bằng tiền

*** Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí bán hàng



1.4.1.6. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:*** Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT).
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán...

*** Tài khoản sử dụng:**

TK642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Các tài khoản cấp 2:

TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423 - Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng

TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425 - Thuế, phí, lệ phí.

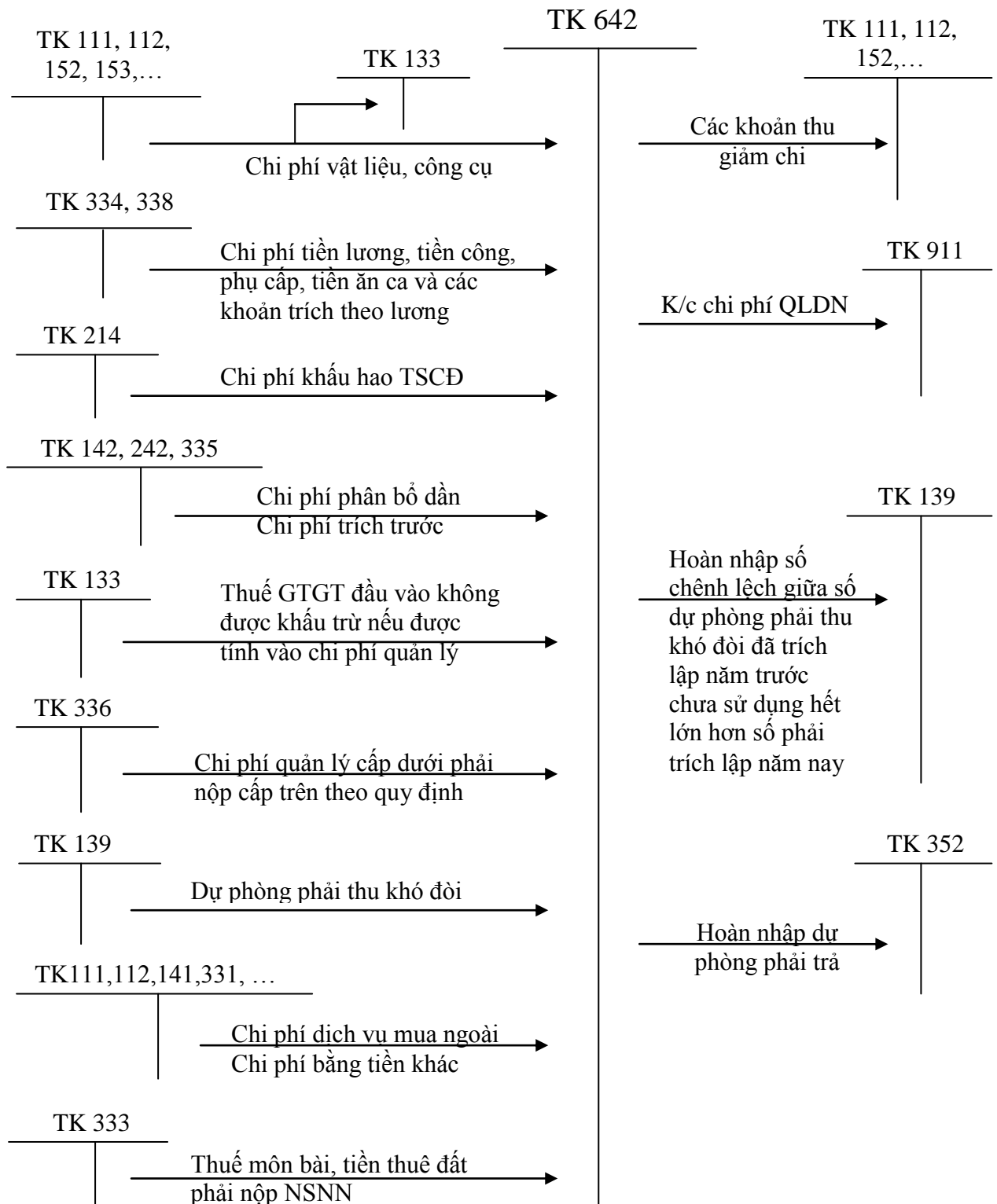
TK 6426 - Chi phí dự phòng

TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428 - Chi phí khác bằng tiền

*** Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu chi phí hoạt động tài chính**1.4.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đưa lại, bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ,...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi, hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- Chênh lệch lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

*** Chứng từ sử dụng:**

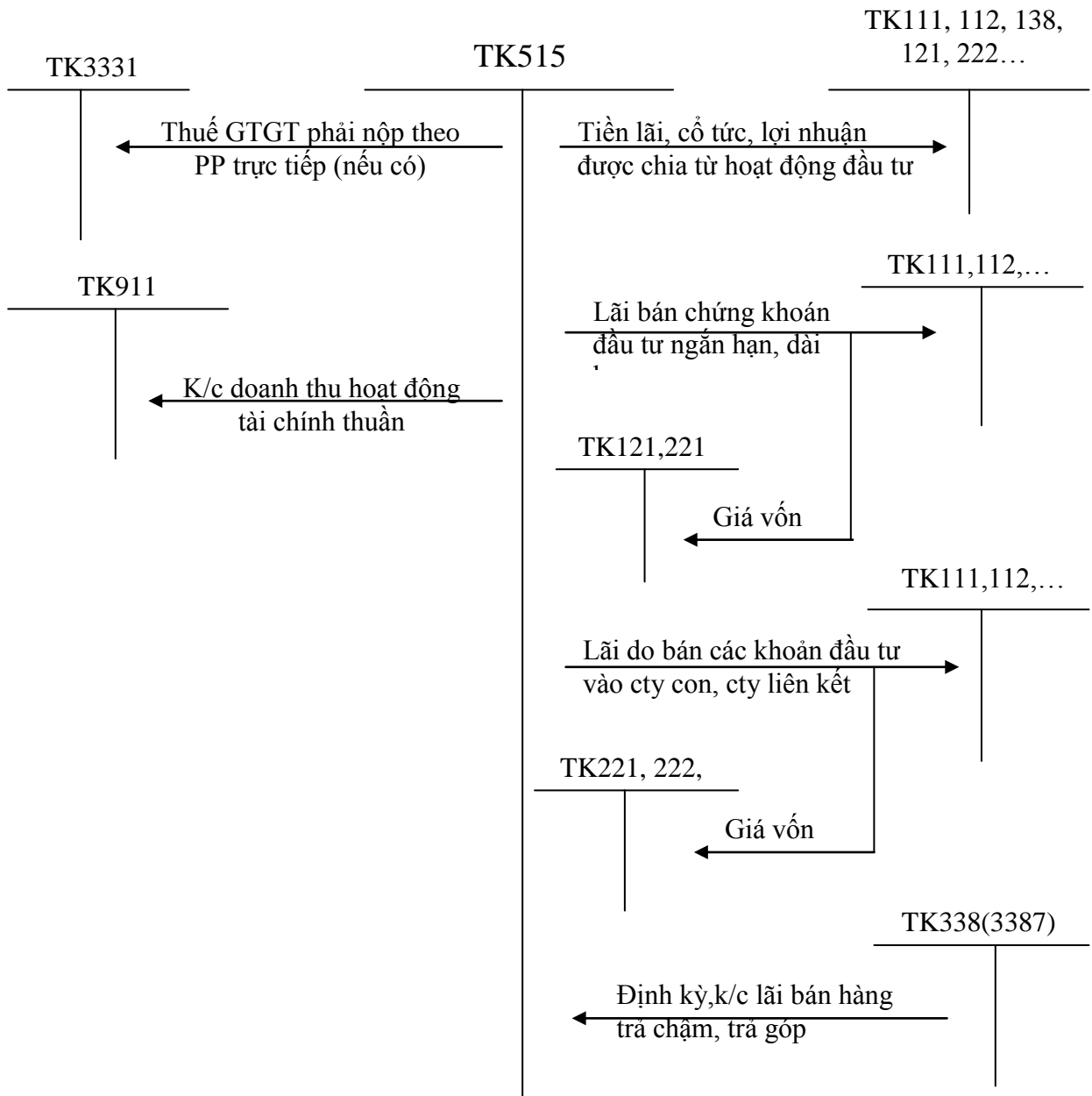
Phiếu thu, phiếu kế toán, giấy báo Có

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

* Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.12: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.4.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính:

Chi phí tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

Các chi phí tài chính chủ yếu: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, lỗ tỷ giá hối đoái

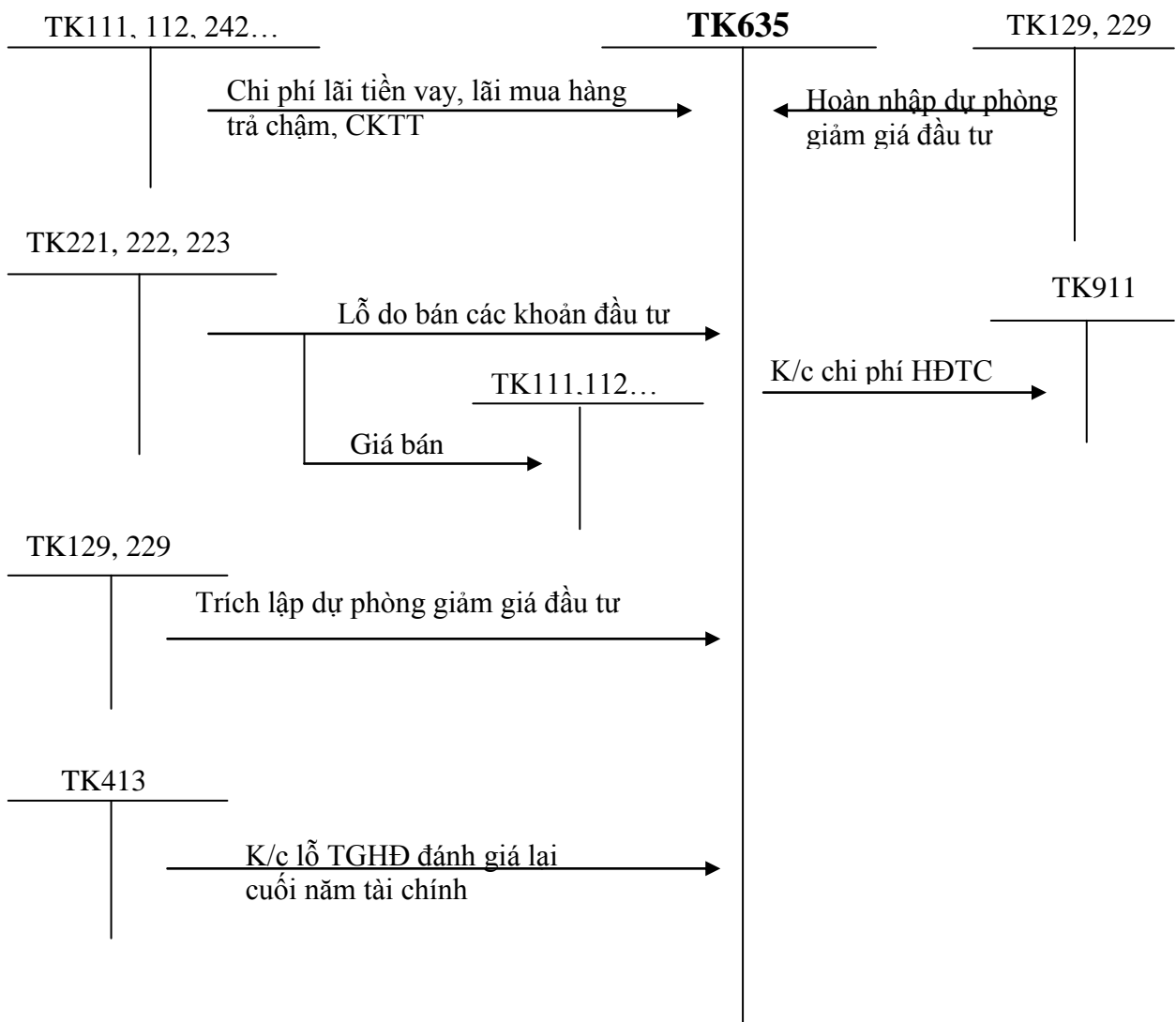
* **Chứng từ sử dụng:** Phiếu chi, Phiếu kế toán

* **Tài khoản sử dụng:**

TK 635 “Chi phí tài chính”

* **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.4.3. Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác:**1.4.3.1. Kế toán thu nhập khác:***** Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp:**

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

*** Chứng từ sử dụng:**

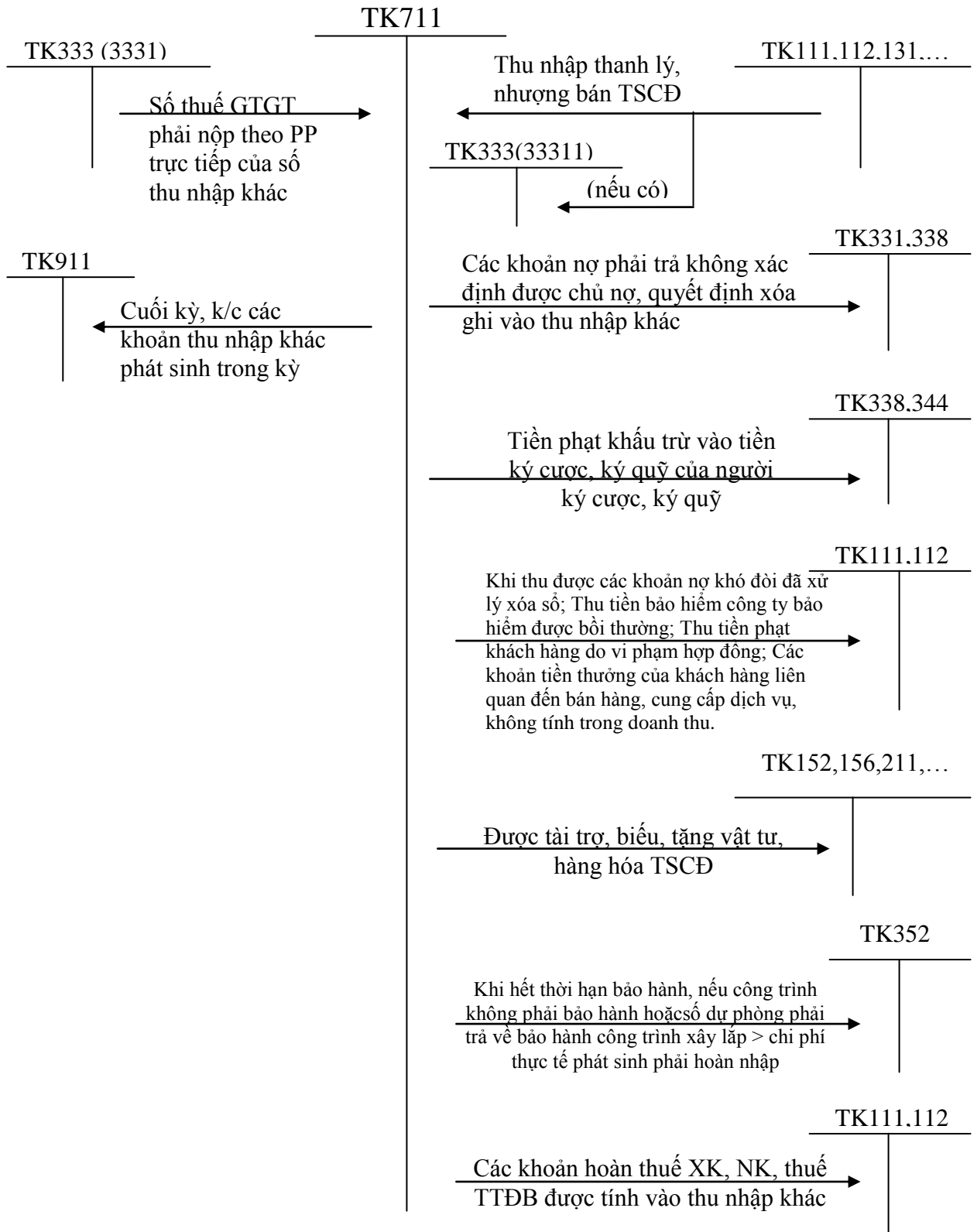
Phiếu thu, phiếu kế toán

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 711 “Thu nhập khác”

* Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.14: Kế toán thu nhập khác



1.4.3.2. Kế toán chi phí khác*** Nội dung chi phí khác của doanh nghiệp:**

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy thu thuế
- Các khoản chi phí khác.

*** Chứng từ sử dụng:**

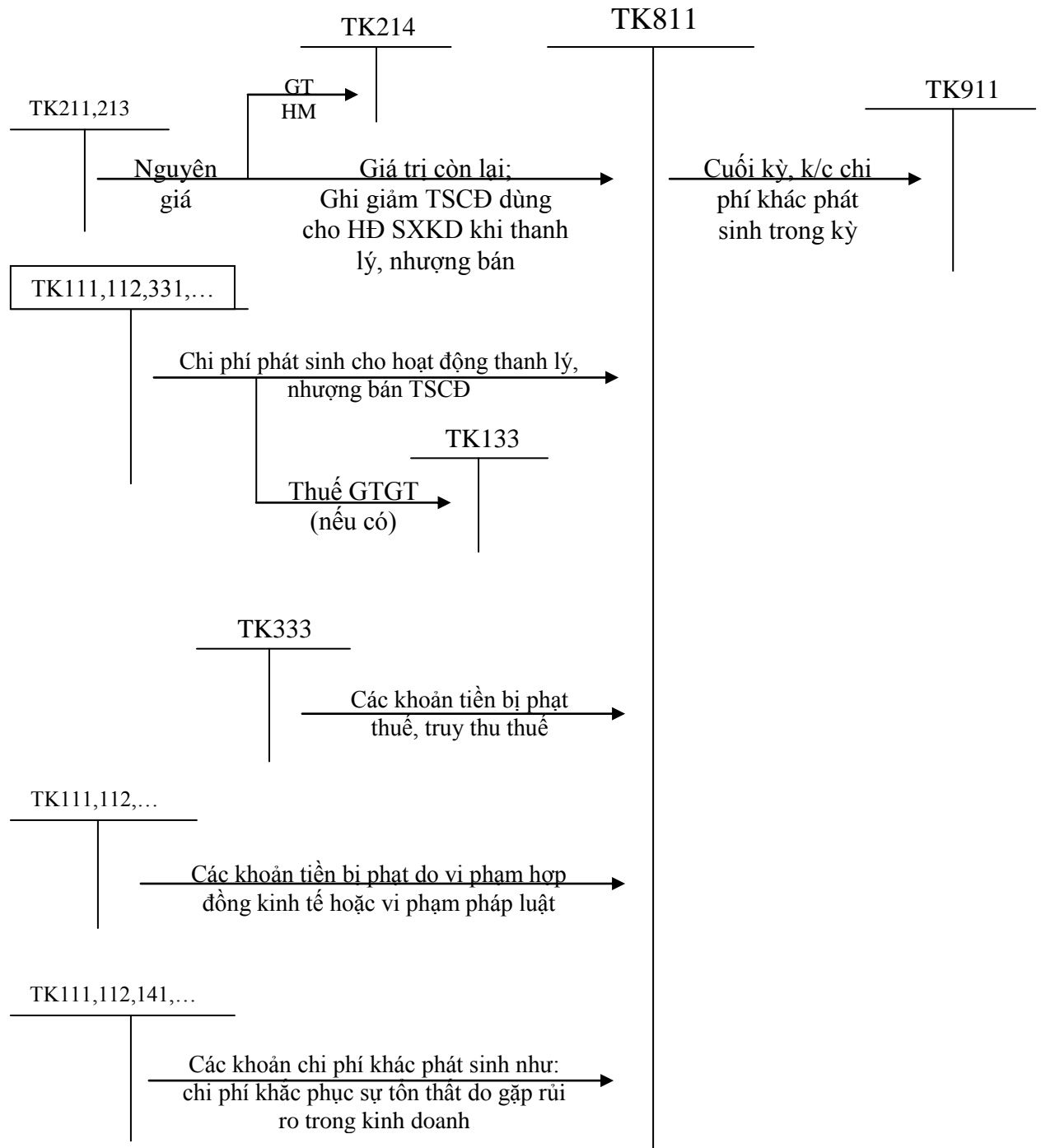
Phiếu chi, Phiếu kế toán

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 811 “Chi phí khác”

*** Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí khác



1.4.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh:**1.4.4.1. Kế toán chi phí thuế TNDN:***** Chứng từ sử dụng:**

Phiếu kế toán

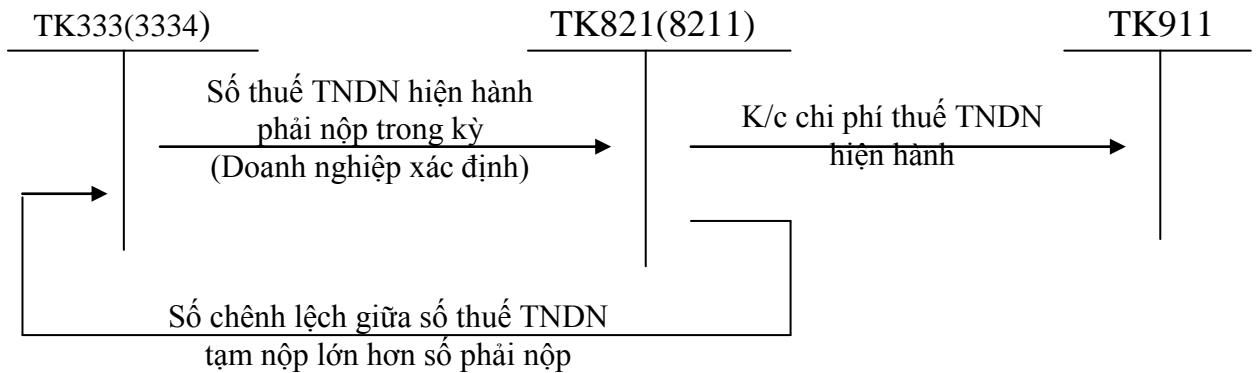
*** Tài khoản sử dụng:**

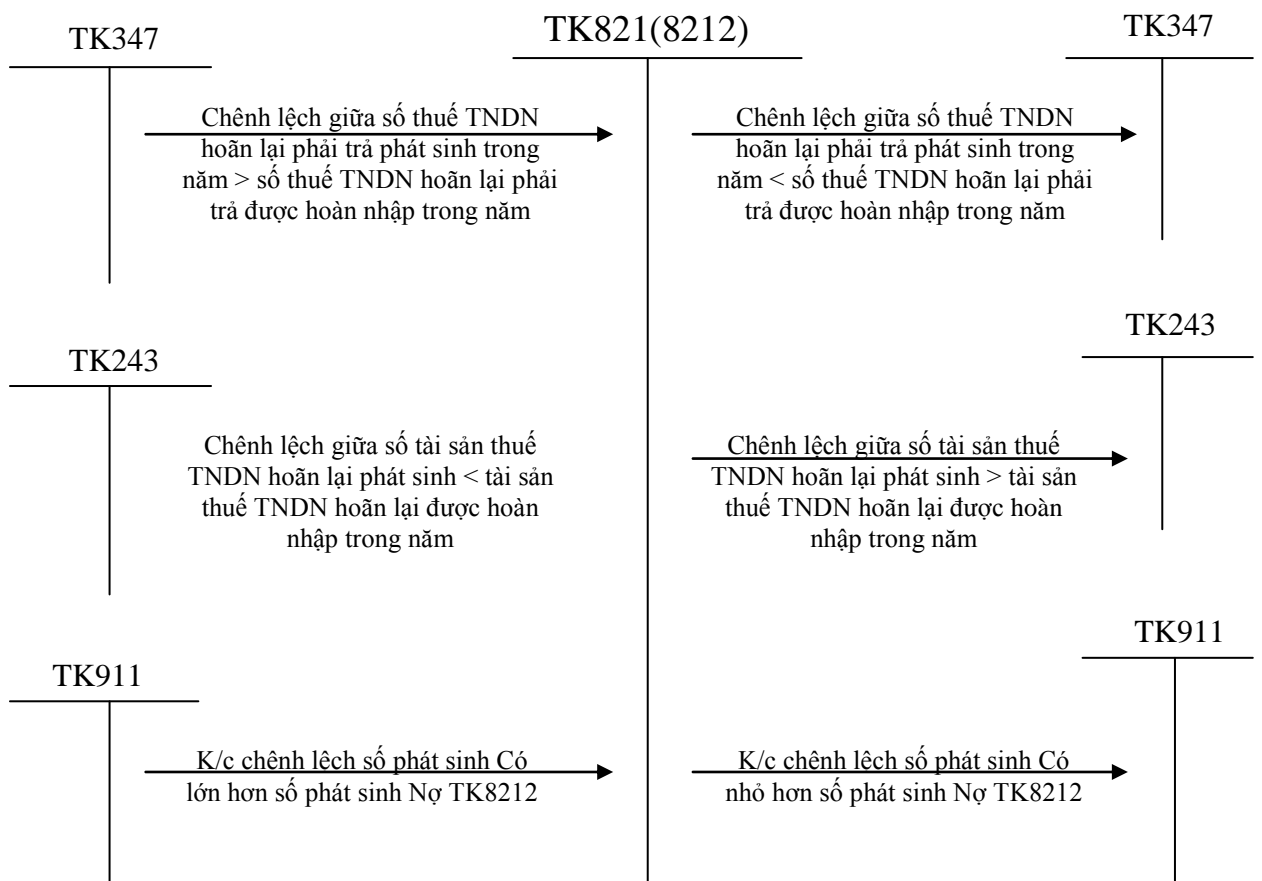
TK 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Các tài khoản cấp 2:

TK 8211 – “Chi phí thuế TNDN hiện hành”

TK8212-“Chi phí thuế TNDN hoãn lại”

*** Sơ đồ hạch toán:****Sơ đồ 1.16.a: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành**

Sơ đồ 1.16.b: Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại**1.4.2.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:***** Chứng từ sử dụng:**

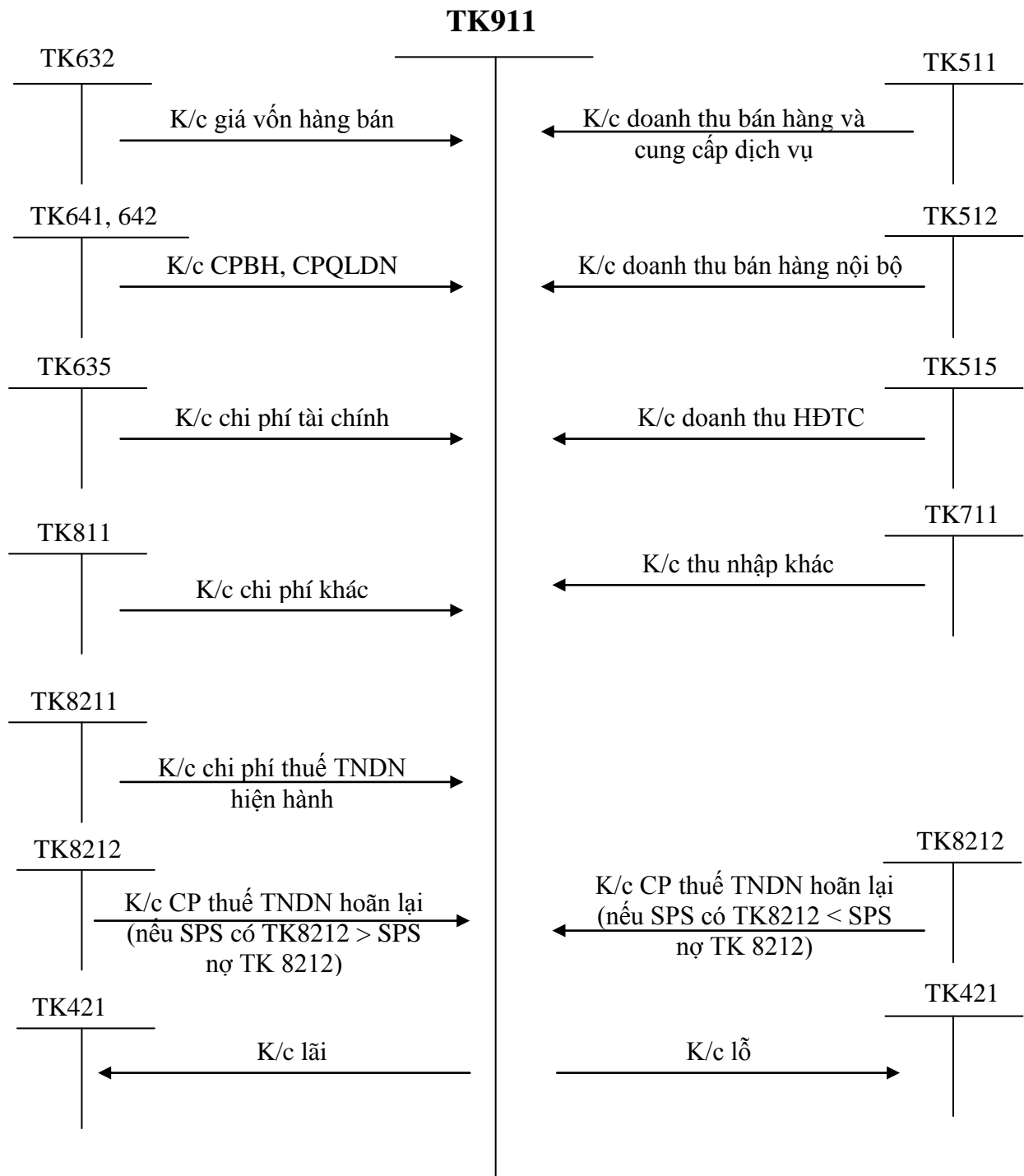
Phiếu kế toán

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

*** Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.17: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.5. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

* **Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

* **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

* **Đặc điểm:**

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

* **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký – Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

* **Đặc điểm:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

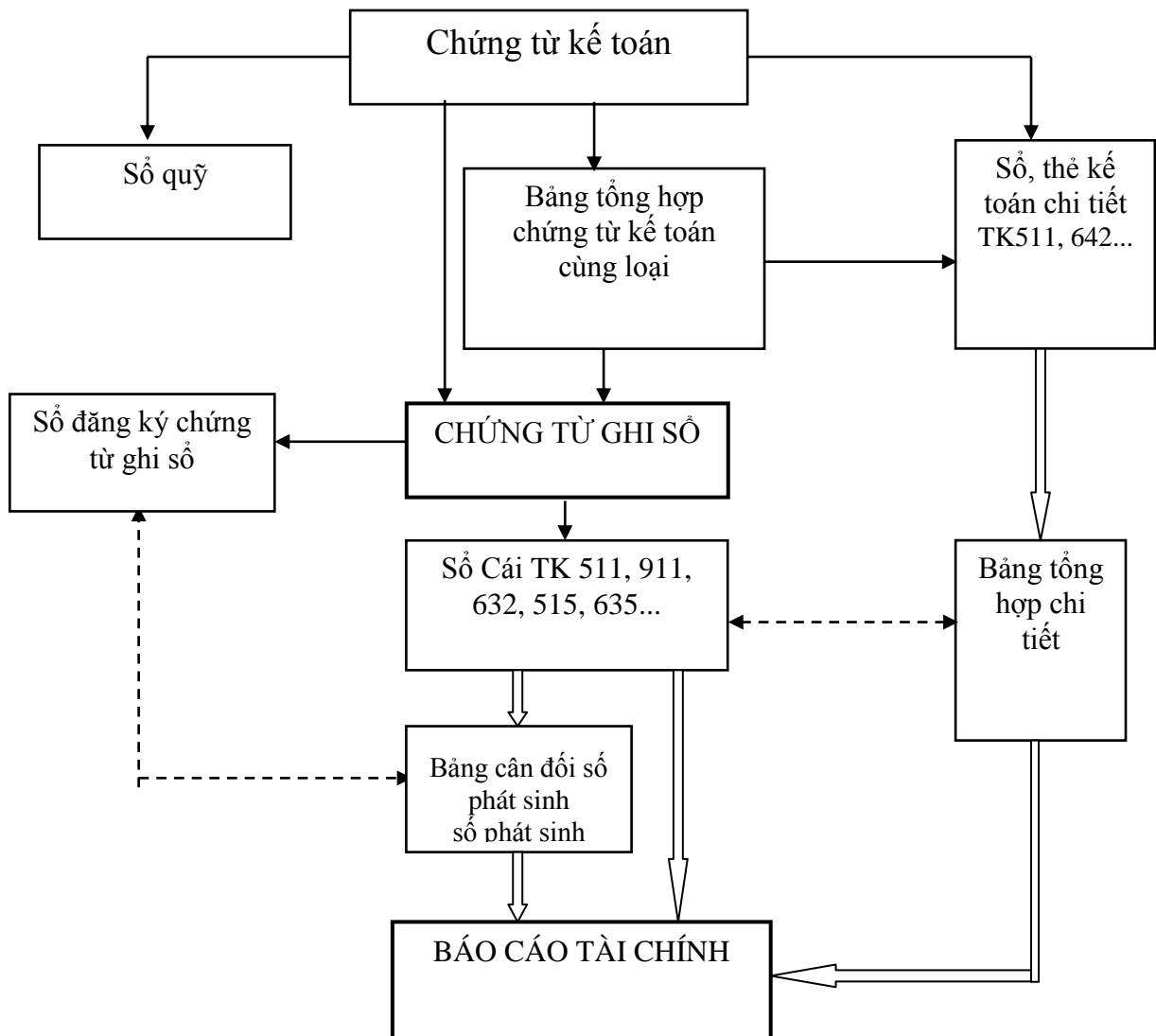
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

* **Các loại sổ:** Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

*** Trình tự ghi sổ kế toán:**

**Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán
Theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.5.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

* **Đặc điểm:** Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

* **Các loại sổ:** Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, Sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

* **Đặc điểm:** công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

* **Các loại sổ:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
NHÀ MÁY X46 (CÔNG TY HẢI LONG – BQP)**

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY HẢI LONG – BQP

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG (được chuyển đổi từ công ty Hải Long theo quyết định số 2575/QĐ-BQP ngày 17/7/2010 của Bộ Quốc phòng)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI LONG BUILDING AND REPAIRING SHIP ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG.

Mã số doanh nghiệp: 0200109519

Địa chỉ trụ sở chính: Số 108 đường Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3842132

Fax: 031.3841667

Ngành nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
2	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
3	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
4	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
5	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
6	Sửa chữa thiết bị điện	3314
7	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
8	Lắp ráp máy móc thiết bị công nghiệp	3320
9	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
10	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11	Bán buôn kim loại và quặng kim	4662

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng

Tên chủ sở hữu: BỘ QUỐC PHÒNG

Địa chỉ trụ sở chính: Đường Nguyễn Tri Phương, quận Ba Đình, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của công ty:

- Chức danh: Giám đốc
- Họ và tên: NGUYỄN LÊ HẠNH

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của nhà máy X46 (công ty Hải Long – BQP).

Nhà máy X46 là một doanh nghiệp quốc phòng chuyên sửa chữa và đóng mới tàu chiến của quân chủng Hải Quân, là cơ sở duy nhất của Hải quân nhân dân Việt tiếp quản từ một cơ sở của Pháp để lại sau năm 1954.

Với vị trí địa lý bên bờ sông Cấm thuận lợi về đường sắt, đường bộ và đường thủy cùng với sự phát triển của thành phố Hải Phòng nói riêng và của đất nước nói chung, nơi đây cũng là trung tâm của ngành công nghiệp đóng tàu Việt Nam, là thành phố nằm trong tam giác công nghiệp Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Do đó, Nhà máy X46 có vị thế rất thuận lợi phát triển theo những chức năng kinh doanh, theo ngành nghề kinh doanh đã được đăng ký.

Sau năm 1954 Hải quân nhân dân Việt Nam tiếp quản và trực tiếp giao cho Nhà máy X46 làm cơ sở đảm bảo kỹ thuật chủ yếu cho các tàu của quân chủng Hải quân. Kể từ đó Nhà máy X46 sửa chữa và đóng mới các loại tàu thủy ra đời.

Trong giai đoạn 1954 đến 1975 hơn 20 năm với nhiệm vụ, trọng trách của Đảng, Nhà nước; Quân đội trực tiếp là Quân chủng Hải quân giao phó vừa sản xuất vừa chiến đấu chống trả lại các cuộc chiến tranh leo thang bắn phá miền Bắc của đế quốc Mỹ nhằm chặn đứng cửa ngõ thông thương quốc tế cũng như nội địa của nước ta. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc đã có không ít tấm gương anh hùng đã hy sinh và cơ sở hạ tầng của công ty cũng bị phá hủy sau những trận bom của đế quốc Mỹ. Phát huy bản chất truyền thống đánh giặc ngoại xâm của dân tộc, đội ngũ cán bộ, công nhân viên của công ty phát huy tốt bản lĩnh kiên cường, vừa chiến đấu vừa sản xuất tất cả vì miền Nam ruột thịt, năng suất sản xuất, hiệu quả lao động ngày một nâng cao và đã được Đảng, Nhà

nước và Quân chủng Hải quân tặng nhiều huân chương, huy chương các loại. Trong những năm gần đây đáp ứng nhu cầu đòi hỏi cao của công nghệ tiên tiến hiện đại trên thế giới công ty đã được Đảng, Nhà nước và Bộ quốc phòng, Quân chủng Hải quân tập trung đầu tư mở rộng, nâng cao mặt bằng sản xuất, trang bị nhiều máy móc, công nghệ hiện đại, đảm bảo nâng cao năng lực sản xuất của công ty với hàng loạt nhà xưởng, hàng trăm mét đường giao thông nội bộ được làm mới đặc biệt là hệ thống cầu cảng: tiêu, ụ chìm, đảm bảo cho các tàu có trọng tải lớn (trên 1000 tấn) lên xuống an toàn. Công ty Hải Long đã nhiều năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên giao và nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập, công ty đã vinh dự được Đảng và nhà nước tặng thưởng Huân chương anh Hùng trong thời kỳ đổi mới.

Với thị phần ngày càng mở rộng ngày nay công ty Hải Long đã vươn lên phát triển lớn mạnh, trở thành một trong những trung tâm đóng và sửa chữa tàu lớn nhất miền Bắc Việt Nam. Công ty Hải Long đã được công nhận là doanh nghiệp loại I của Quân chủng Hải quân.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của nhà máy X46 (công ty Hải Long – BQP).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh đó là:

- Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại, gia công cơ khí phục vụ đóng mới và sửa chữa tàu.
- Đóng mới và sửa chữa tàu, phương tiện thủy vỏ thép, vỏ gỗ hợp kim nhôm, vật liệu phi kim loại.
- Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị vật tư, phụ tùng phục vụ đóng mới các loại tàu cao tốc, tàu chở khách, tàu chở dầu, tàu chở hàng trọng tải trên 5000 tấn, tàu kéo, các loại xuồng cao tốc vỏ hợp kim.
- Dịch vụ kỹ thuật.

Đặc điểm của doanh nghiệp là sản xuất mặt hàng đơn chiếc theo đơn đặt hàng nên chu trình sản xuất kéo dài có thể từ năm này sang năm khác và có thể cùng một lúc doanh nghiệp thực hiện nhiều đơn đặt hàng.

Trong quá trình hoạt động công ty gặp nhiều thuận lợi và khó khăn:

*** Thuận lợi:**

Nhà máy X46 là một doanh nghiệp sửa chữa và đóng mới tàu trực thuộc cục kỹ thuật Hải Quân. Là một doanh nghiệp đầu đàn trong hệ thống các nhà máy trong hải quân, đã nhiều năm liên được công nhận là đơn vị “ sản xuất tốt, quản lý giỏi”.

Bộ máy kế toán của nhà máy phù hợp với yêu cầu công việc và kỹ năng, trình độ của từng người. Với nhiệm vụ giám đốc và phản ánh tình hình sử dụng vật tư, tiền vốn, lao động, thu nhập. Phòng tài chính luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Công tác kế toán đã đi vào nền nếp, các chi phí phát sinh không cao so với dự toán chi phí kế hoạch, do đó công tác kế toán không bị biến động.

Hệ thống kế toán được phản ánh ghi chép đầy đủ theo đúng quy định. sổ sách kế toán được in, đóng quyển cùng với các chứng từ được đóng thành tập, lưu trữ gọn gàng thuận tiện cho việc xem xét số liệu.

Nhà máy đã đảm bảo được sự lãnh đạo thống nhất tập trung trong công tác kế toán. Đồng thời phát huy đầy đủ vai trò, chức năng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công lao động, chuyên môn hoá và nâng cao trình độ của cán bộ kế toán đồng đều. Hơn nữa với đội ngũ nhân viên kế toán có kinh nghiệm, có trình độ năng lực nghiệp vụ, nhiệt tình trung thực đã góp phần tích cực vào công tác hạch toán quản lý kinh tế có hiệu quả của nhà máy.

*** Khó khăn:**

Bên cạnh những thuận lợi trên nhà máy còn gặp phải một số khó khăn như:

Do đặc thù là doanh nghiệp quốc phòng nên các sản phẩm đầu ra không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nên chi phí về thuế GTGT được hạch toán vào trong giá thành vì thế chi phí nguyên vật liệu bao gồm cả thuế GTGT đầu vào do đó làm tăng giá thành sản phẩm.

Tuy đã nâng cấp nhiều TSCĐ nhưng nhà máy vẫn còn nhiều những TSCĐ do trên cấp hoặc từ nguồn dự trữ trước những năm 80. Hầu như các máy

móc đã cũ, công suất không cao mà hay phải sửa, các chi phí này tính vào giá thành nên làm tăng giá thành sản phẩm. Nhà máy nên đầu tư trang thiết bị máy móc mới, hiện đại làm tăng hiệu quả về năng suất lao động

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của nhà máy X46 (công ty Hải Long – BQP).

Trong các doanh nghiệp hiện nay, công nghệ phục vụ sản xuất là vấn đề rất quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất nói chung cũng như công tác kế toán nói riêng. Quy trình công nghệ quyết định việc đầu tư sản xuất, hiệu quả đầu tư và đặc biệt trong lĩnh vực quản lý.

Nhà máy X46 đã xây dựng một công nghệ đóng mới sửa chữa tàu thép kín được bắt đầu từ lúc chạy thử khảo sát động lực, tiếp nhận tàu và đóng mới sửa chữa đến lập kế hoạch đóng mới, nghiệm thu bàn giao.

Quá trình đóng mới thường rất dài qua nhiều công đoạn, thời gian bình quân cho một con tàu và sửa chữa đến khi nghiệm thu thường khoảng 60 ngày.

Trong một vài năm gần đây để tự khẳng định mình và đứng trước những khó khăn của nền kinh tế đất nước, sự cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường. Nhà máy tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, cử nhiều cán bộ đầu ngành và công nhân lành nghề sang các nước Đông Âu kể cả một số nước Tây Âu có nền công nghiệp đóng tàu phát triển học tập công nghệ đóng tàu và nâng cao công nghệ đóng tàu có trọng tải lớn, tàu cao tốc có vỏ hợp kim. Tháng 8/1999 Nhà máy X46 cắt băng khánh thành bàn giao và đưa vào sử dụng một nhà xưởng đóng tàu cao tốc vỏ hợp kim khép kín từ việc đấu hạ liệu, phóng dạn, lắp ráp tổng đoạn, gắn máy trang trí nội thất, sơn tàu, đến hạ thủy, chạy thử bàn giao. Đây là dây chuyền công nghệ cao phục vụ đóng tàu chiến của Liên Bang Nga giúp ta. Nó còn đòi hỏi tính chính xác cao trong sản xuất, căn chỉnh trọng tâm của tàu đảm bảo khi xuất xưởng hạ thủy chạy thử và bàn giao đạt chất lượng tuyệt đối về yêu cầu, kỹ thuật và chất lượng.

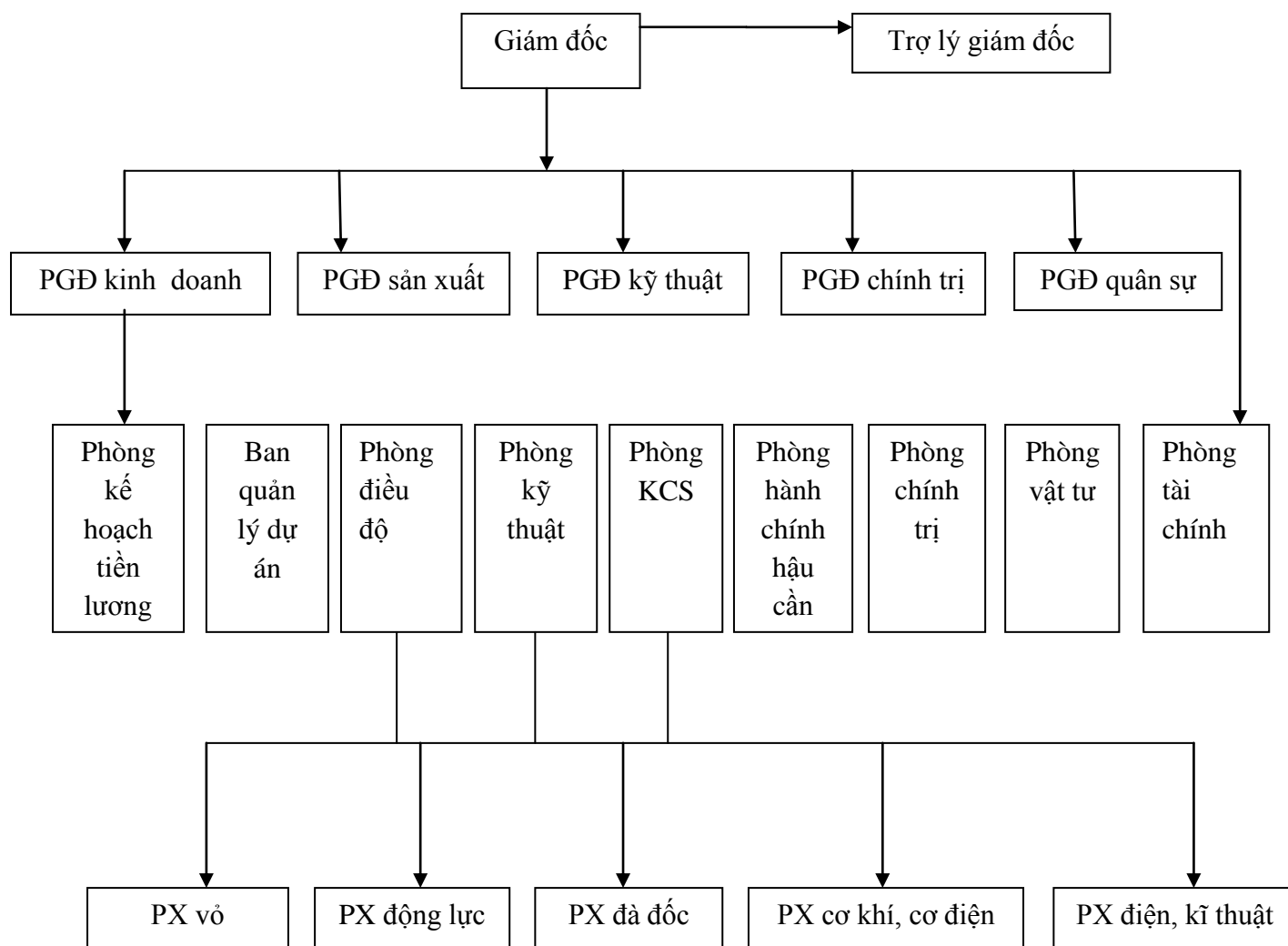
Tài sản của doanh nghiệp do nhà nước bàn giao cho Nhà máy X46 và người

lao động quản lý và sử dụng để phát triển sản xuất kinh doanh trong đó giám đốc là người chịu trách nhiệm chính cùng tập thể những người lao động sử dụng đúng đắn hợp lý, hiệu quả các loại vật tư, lao động, tiền vốn cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. doanh nghiệp có trách nhiệm bảo toàn vốn và làm trách nhiệm đối với nhà nước theo đúng chế độ hiện hành. Doanh nghiệp quan tâm đến mục tiêu lợi nhuận và các mục tiêu xã hội dân sinh môi trường sinh thái và các vấn đề khác.

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Hiện nay Nhà máy X46 có 9 phòng ban và 5 phân xưởng sản xuất.

Cơ cấu bộ máy lãnh đạo của công ty như sau:



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận như sau:

*** Giám đốc:**

Giám đốc chịu trách nhiệm chung và chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy X46, thông qua năm đồng chí phó giám đốc và các phòng, ban, quân đội, quân chủng Hải quân và tập thể những người lao động về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn nhà máy, điều hành nhà máy theo kế hoạch đã được phê duyệt. Chấp nhận nghị quyết của Đảng uỷ, nghị quyết của đại hội công nhân viên chức, chịu trách nhiệm trước nhà nước và cán bộ công nhân viên về quản lý tài sản, lao động, vật tư, tiền vốn, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn lao động của toàn công ty, đề nghị tăng giảm đội ngũ công nhân cho phù hợp với công việc của công ty, không ngừng nâng cao chất lượng quản lý. Giám đốc trực tiếp phụ trách các phó giám đốc, phòng tài chính và phòng vật tư.

*** Phó giám đốc và trợ lý giám đốc:**

Chịu trách nhiệm giúp giám đốc theo dõi những công việc chuyên trách được phân công làm tròn nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc hoạt động sản xuất kinh doanh và những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình chỉ đạo các phòng, ban, phân xưởng thực hiện đúng kế hoạch sản xuất và công tác. Thay quyền giám đốc khi giám đốc đi vắng và được uỷ quyền ký thay.

Trong đó:

- *Phó giám đốc kỹ thuật và phó giám đốc sản xuất:* phụ trách công tác kỹ thuật, sản xuất của nhà máy, tổ chức chỉ đạo điều hành sản xuất, trực tiếp phụ trách phòng kỹ thuật, phòng KCS và phòng điều động, đội xe.

- *Phó giám đốc kinh doanh:* phụ trách công tác kinh doanh của nhà máy, chỉ đạo việc lập dự toán, quyết toán các sản phẩm, xây dựng và quản lý tiền lương và lập kế hoạch cho toàn Nhà máy X46.

- *Phó giám đốc chính trị:* Phụ trách công tác Đảng, công tác chính trị, công tác an ninh nội bộ của nhà máy, trực tiếp phụ trách phòng chính trị, phòng tài chính, phòng hậu cần.

- *Phó giám đốc quân sự*: Phụ trách công tác nghĩa vụ quân sự của các đồng chí cán bộ, công nhân trong Nhà máy X46.

*** *Khối phòng ban*:**

Các phòng ban nghiệp vụ theo chức trách, nhiệm vụ của mình giúp giám đốc trong việc nắm chắc tình hình, cung cấp thông tin để giám đốc ra quyết định chính xác về đường lối sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

- *Phòng KTCN*: chịu trách nhiệm về công tác kỹ thuật của các sản phẩm sửa chữa và đóng mới tại Nhà máy X46 và công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

- *Phòng KH-LĐ*: chịu trách nhiệm về công tác kế hoạch công tác giá thành, công tác thị trường, công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, công tác quản lý lao động, chế độ chính sách và công tác đào tạo huấn luyện của Nhà máy X46.

- *Phòng điều độ sản xuất*: chịu trách nhiệm về công tác điều độ sản xuất, công tác an toàn bảo hộ lao động, công tác quản lý máy móc thiết bị của Nhà máy X46.

- *Phòng KCS*: chịu trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu đánh giá chất lượng sản phẩm sản xuất và chế tạo tại Nhà máy X46.

- *Đội xe*: là đơn vị quản lý và sửa dụng các phương tiện vận tải phục vụ quá trình sản xuất và công tác của Nhà máy X46.

- *Phòng vật tư*: chịu trách nhiệm mua cung ứng vật tư theo dự trù và định mức của các phòng ban nghiệp vụ liên quan để đảm bảo quá trình sản xuất không bị gián đoạn.

- *Phòng tài chính*: là cơ quan ham mưu và đồng thời chịu trách nhiệm quản lý tài chính của Nhà máy X46.

- *Phòng HCHC*: là cơ quan ham mưu đồng thời là cơ quan quản lý, tổ chức thực hiện công tác hành chính hậu cần của Nhà máy X46.

- *Phòng chính trị*: là cơ quan chủ trì thực hiện công tác đoàn, công tác

chính trị của Nhà máy X46.

*** Các phân xưởng:**

Là đơn vị trực tiếp sản xuất chuyên môn hoá theo chuyên ngành được phân công.

- *Phân xưởng động lực*: sửa chữa và đóng mới phần máy thiết bị động lực, thi công lắp đặt phần van ống và hệ trục chân vịt, hệ lái.

- *Phân xưởng vỏ tàu*: sửa chữa và đóng mới phần vỏ tàu và các kết cấu liên quan đến vỏ tàu.

- *Phân xưởng đà đốc*: sửa chữa và đóng mới phần mộc, sơn trang trí và chịu trách nhiệm đưa các tàu lên, xuống triền hoặc ra đà đốc.

- *Phân xưởng cơ khí – cơ điện*: gia công các chi tiết cụm chi tiết phục vụ công tác sửa chữa và đóng mới tàu và chịu trách nhiệm sửa chữa máy móc thiết bị và điện của Nhà máy X46.

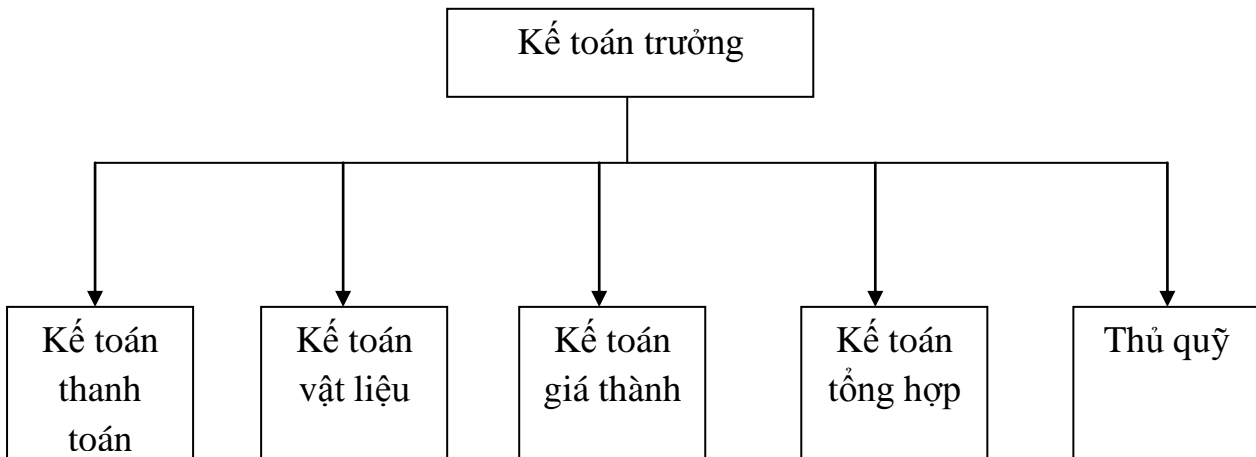
- *Phân xưởng điện - khí tài*: sửa chữa và đóng mới phần điện thiết bị thông tin hàng hải.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại nhà máy X46 (công ty Hải Long – BQP).

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của nhà máy X46 (công ty Hải Long – BQP).

Tổ chức bộ máy kế toán của Nhà máy X46 theo mô hình tổ chức kế toán tập trung. Toàn nhà máy X46 có một phòng tài chính, mọi chứng từ số liệu gửi về phòng tài chính, tại đây sẽ tổ chức mọi hoạt động thống kê, ghi chép và tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm.

Sơ đồ bộ máy kế toán tại nhà máy X46:



Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của nhà máy.

Tài chính doanh nghiệp là hệ thống các mối quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình phân phối các nguồn tài chính của doanh nghiệp. Chính vì thế việc phân cấp quản lý tài chính của doanh nghiệp được nhà máy rất chú trọng. Nhà máy X46 là nhà máy cấp 2 - được quản lý thống nhất theo sự quản lý giám sát của phòng tài chính Quân chủng Hải quân. Tại nhà máy có duy nhất một phòng kế toán tài chính, dưới nhà máy có các phân xưởng sản xuất nhưng không có kế toán riêng mà được theo dõi sát sao của cán bộ kế toán nhà máy.

Chức năng, nhiệm vụ của các nhân viên trong phòng tài chính của Nhà máy X46:

*** Kế toán trưởng:**

- Bao quát chung toàn bộ diễn biến của các mặt tài chính của nhà máy.
- Chịu trách nhiệm trước giám đốc doanh nghiệp về công tác kế toán tài chính của nhà máy.
- Nộp báo cáo tài chính định kỳ.
- Lập kế hoạch và báo cáo thường xuyên cho giám đốc tình hình chi tiêu tại công ty.
- Báo cáo những vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và phối hợp với các bộ phận, phòng ban khác đề xuất các giải pháp

giải quyết các vướng mắc này.

*** Kế toán thanh toán:**

- Theo dõi công nợ khách hàng, các khoản thanh toán liên quan đến tiền mặt, tiền gửi, kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào, đầu ra được chính xác kịp thời, đầy đủ, đẩy nhanh quá trình sản xuất kinh doanh của nhà máy.

*** Kế toán vật liệu:**

- Theo dõi tình hình nhập xuất, số liệu tồn, tổng hợp chi phí về nguyên vật liệu.

*** Thủ quỹ:**

- Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi đã được phê duyệt.
- Quản lý, bảo quản tiền mặt
- Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm
- Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.
- lập bảng lương và bảng thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên, theo dõi trích nộp BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN.

*** Kế toán giá thành:**

- Theo dõi nguồn vốn, tình hình tăng giảm TSCĐ, khấu hao, XDCB và tính giá thành.

*** Kế toán tổng hợp:**

- Theo dõi chung các vấn đề liên quan đến tình hình tài chính.
- Tổng hợp số liệu của các kế toán ở từng bộ phận cung cấp để vào sổ cái.
- Lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

Nhà máy X46 (Công ty Hải Long - BQP) áp dụng chế độ kế toán ban hành

theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

Các chính sách, phương pháp kế toán đang áp dụng:

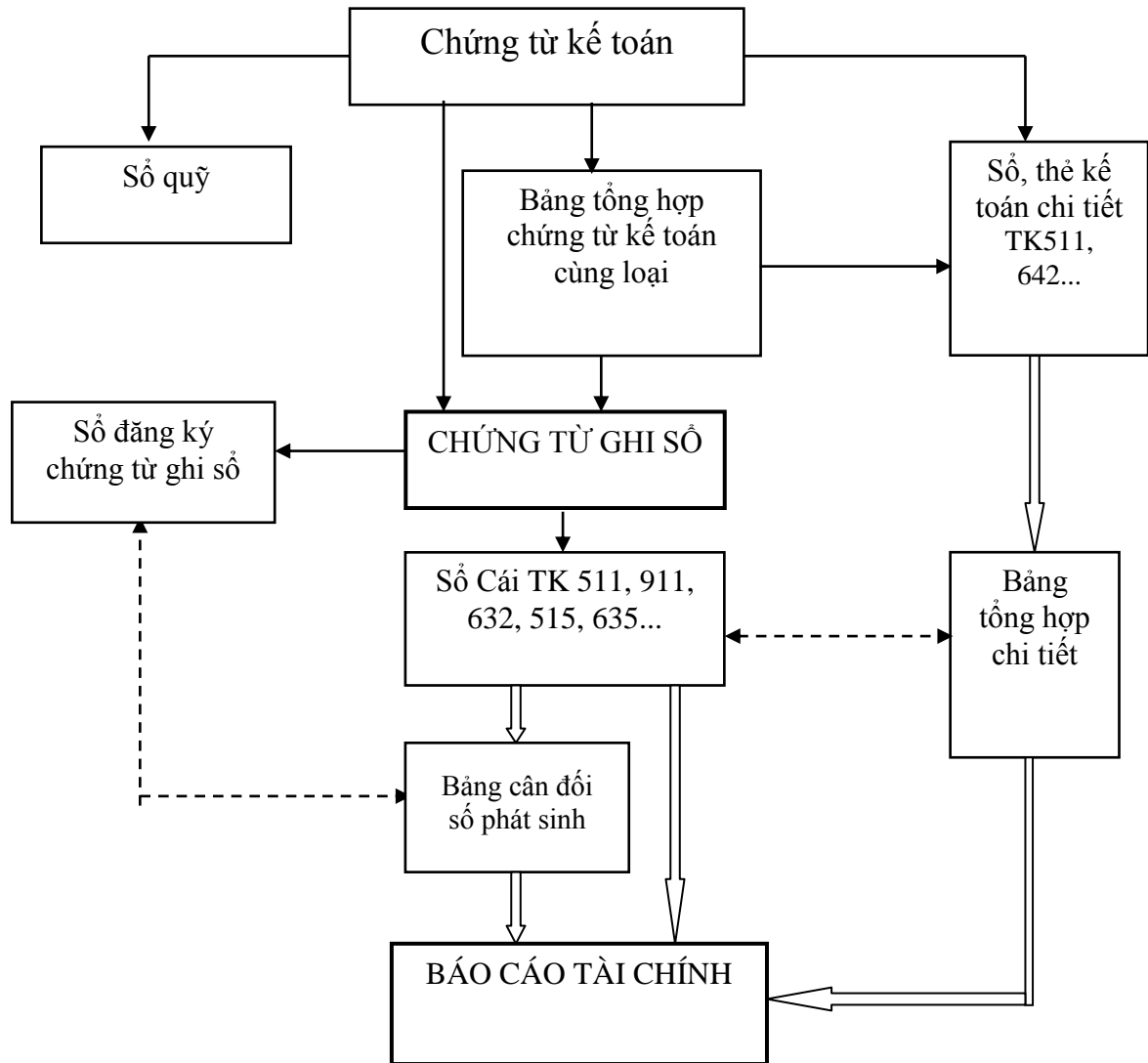
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Kế toán chi tiết hàng tồn kho: theo phương pháp thẻ song song
- Tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp thực tế đích danh.
- Tính và nộp thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ
- Tính khấu hao TSCĐ: theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ tài chính.
- Tính giá thành: theo phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn)
- Hàng quý kế toán tiến hành lập báo cáo tài chính, hàng năm lập báo cáo tài chính tổng hợp và quyết toán thuế.
- Kế toán hàng tồn kho : theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hiện tại công ty áp dụng hình thức kế toán “ chứng từ ghi sổ”

*** *Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán “ chứng từ ghi sổ”***

Với hình thức chứng từ ghi sổ nhà máy đang áp dụng, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra (các phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi...) kế toán vào chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ sau khi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ được sử dụng để ghi vào các sổ kế toán chi tiết và sổ cái.

Chu trình hạch toán kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ của nhà máy được khái quát theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇨
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

Sơ đồ 2.2: Hình thức chứng từ ghi sổ

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI NHÀ MÁY X46 (CÔNG TY HẢI LONG – BQP).

2.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu tại nhà máy X46 (công ty Hải Long - BQP).

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Đối với công ty Hải Long tiêu thụ là giai đoạn cuối cùng của sản xuất. Do lĩnh vực sản xuất chủ yếu là đóng tàu.
- Doanh thu chủ yếu của công ty Hải Long bao gồm doanh thu đóng tàu, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu khác (do thanh lý tài sản).
- Do đặc thù đơn vị sản xuất sản phẩm đơn chiếc theo đơn đặt hàng và hợp đồng kinh tế, các sản phẩm thường có giá trị lớn.
- Có hai luồng sản phẩm chính là: sản phẩm kinh tế và sản phẩm Quốc phòng (không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào)

* *Phương thức bán hàng của công ty:*

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế giữa hai bên, khách hàng muốn đóng tàu thì phải ứng trước một số tiền nào đó tùy theo thoả thuận. Bao giờ con tàu hoàn thành bàn giao thì xác định doanh thu.

* *Hình thức thanh toán:*

- Chủ yếu bằng chuyển khoản.
- Thanh toán bằng tiền mặt.

* *Tài khoản sử dụng:*

- TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Các tài khoản liên quan: TK 154, TK 632, TK 641...

* *Chứng từ sử dụng:*

- Hoá đơn GTGT.
- Hợp đồng kinh tế.
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu thu, Phiếu kế toán, Giấy báo Có...

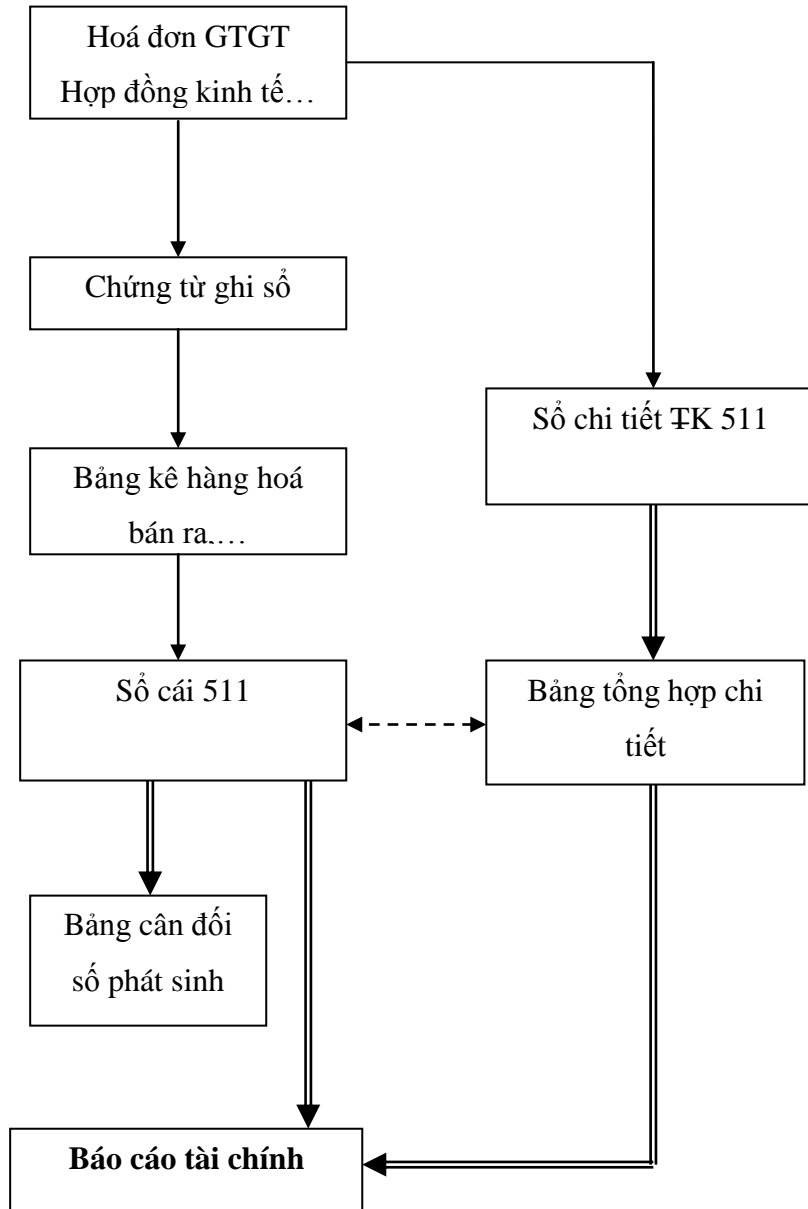
* *Sổ sách sử dụng:*

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK511, TK632
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Bảng kê hàng hoá bán ra

*** Quy trình hạch toán:**

Từ các chứng từ gốc như: hoá đơn giá trị gia tăng, biên bản thanh lý hợp đồng (trường hợp bàn giao tàu), ...kế toán sẽ lập bảng kê hoá đơn dịch vụ hàng hoá bán ra, định khoản và ghi sổ. Do đặc điểm của nhà máy là đóng mới và sửa chữa tàu thuỷ nên sản phẩm sản xuất không nhập kho mà chuyển thẳng cho khách hàng.

*** Quy trình ghi sổ tổng hợp**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.3: quy trình ghi sổ tổng hợp doanh thu

*** Ví dụ minh họa:**

Ngày 5/10/2010 Công ty Hải Long bàn giao Tàu dầu 1000T Hồng Hà cho công ty vận tải Hồng Hà trị giá hợp đồng 2.885.714.286VNĐ (chưa có thuế GTGT 5%), trích hoá đơn GTGT số 088831.

Căn cứ vào biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế ngày 5/10/2010 và hoá đơn GTGT số 088831 kê toán lập chứng từ ghi sổ, vào bảng kê hàng hoá bán ra, vào sổ chi tiết TK 511, vào sổ cái TK 511

Biểu 1 :

CÔNG TY HẢI LONG

.....

SỐ : 20/BB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG KINH TẾ TÀU DẦU
1000T HỒNG HÀ**

- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 215/HĐKT ngày 12/06/2010 giữa công ty Hải Long và công ty vận tải Hồng Hà về việc đóng mới 01 tàu dầu 1000T mang tên Hồng Hà.
- Căn cứ biên bản nghiệm thu xuất xưởng công trình: tàu Hồng Hà.
- Căn cứ vào quyết định hai bên đã ký ngày 04/10/2010

Hôm nay ngày 5 tháng 10 năm 2010 chúng tôi gồm:

I – CÔNG TY VẬN TẢI HỒNG HÀ (GỌI TẮT LÀ BÊN A)

- Do ông : Phạm Tiến Thành
- Chức vụ: Giám đốc là đại diện

II – CÔNG TY HẢI LONG (GỌI TẮT LÀ BÊN B)

- Do ông : Nguyễn Lê Hạnh
- Chức vụ : giám đốc bên đại diện

Hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng kinh tế số 215/HĐKT bao gồm các phần việc sau

1. Tình hình thực hiện hợp đồng:

- Đảm bảo tiến độ bàn giao như đã ghi trong hợp đồng kinh tế.
- Thực hiện đúng các hạng mục như đã ghi trong biên bản đã thỏa thuận và hợp đồng.

2. Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng:

- Đảm bảo yêu cầu về quy trình vi phạm của đăng kiểm Việt Nam, các bước công nghệ được A, B đăng kiểm, ký nghiệm thu từng phần và ký nghiệm thu xuất xưởng.

3. Giá trị hợp đồng:

- Tổng giá trị quyết toán chính thức 2 bên đã ký kết là: 2.885.714.286

(Hai tỷ tám trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng)

Bên A đã ứng cho bên B

Lần 1: 500.000.000

Lần 2: 1.300.000.000

Tổng cộng: 1.800.000.000

(Một tỷ tám trăm triệu đồng chẵn.)

Thời hạn thanh toán : thanh toán trước khi bàn giao tàu Hồng Hà

Hai bên chính thức làm thanh lý hợp đồng và bàn giao công trình: tàu đầu Hồng Hà.

Đại diện bên A

Đại diện bên B

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AE/2010B			
Liên 3: (Lưu nội bộ)		088831			
Ngày 5 tháng 10 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY Hải Long - BQP.....					
Địa chỉ: số 108 Phan Đình Phùng - Hồng Bàng - Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:..... MS		<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="1"/>		
		<input type="text" value="9"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>		
Họ tên người mua hàng: Phạm Tiên Thành.....					
Tên đơn vị: Công ty vận tải Hồng Hà.....					
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS		<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="6"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="2"/>		
		<input type="text" value="9"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bàn giao tàu dầu Hồng Hà	Con	1		2.885.714.286
Tổng cộng tiền hàng:					2.885.714.286
Thuế suất GTGT:5%..... Tiền thuế GTGT:					144.285.714
Tổng cộng tiền thanh toán:					3.030.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba tỷ không trăm ba mươi triệu đồng chẵn					
.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ**số: 227**

ngày 31 tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
.....					
Bàn giao tàu Hồng Hà	131	511	2.885.714.286	088831	05/10
Thuế GTGT phải nộp	131	3331	144.285.714	088831	05/10
.....					
Cộng			6.856.879.075		

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Người lập*(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm 2010

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
			<u>Tháng 10/2010</u>			
31/10	227	31/10	Doanh thu bàn giao tàu Hồng Hà	131		2.885.714.286
					
31/10	262	31/10	Kết chuyển doanh thu tháng 10/2010	911	9.594.368.175	
					
			Cộng số phát sinh		115.132.415.148	115.132.415.148
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi số
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Công ty Hải Long – BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
TK 5111 - doanh thu bán tàu Hồng Hà
Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.Ư	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
31/10	227	31/10	Bàn giao tàu Hồng Hà	131		2.885.714.286
31/10	262	31/10	Kết chuyển doanh thu	911	2.885.714.286	
			Cộng số phát sinh		2.885.714.286	2.885.714.286
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

BẢNG KÊ HÀNG HOÁ DỊCH VỤ BÁN RA

(Kèm theo tờ thuế GTGT)

Tháng 10 năm 2010

Tên doanh nghiệp: Công ty Hải Long - BQP

Địa chỉ: Số 108 Phan Đình Phùng - Hồng Bàng - Hải Phòng

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Tên người mua	MST của người mua	Tên hàng	số lượng (con)	doanh số bán (chưa có thuế)	Thuế suất (%)	Thuế GTGT
Số HĐ	NT							
088831	5/10	Công ty vận tải Hồng Hà	0600155929	Tàu dầu Hồng Hà	1	2.885.714.286	5	144.285.714
							
		Tổng cộng				9.594.368.175		479.718.409

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Hiện tại ở công ty không có các khoản giảm trừ doanh thu, do:

- Công ty không có chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá cho khách hàng
- Sản phẩm của công ty là sản phẩm sản xuất đơn chiếc theo đặt hàng và hợp đồng kinh tế, các sản phẩm thường có giá trị lớn.
- Trước khi thực hiện thanh lý hợp đồng sản phẩm đóng tàu còn thông qua khâu kiểm định chất lượng, chạy thử... và bảo hành.

2.2.1.3. Kế toán doanh thu từ hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh doanh thu tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty Hải Long - BQP gồm các khoản sau:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ...
- Các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính khác

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 5151: Doanh thu hoạt động tài chính từ lãi tiền gửi.

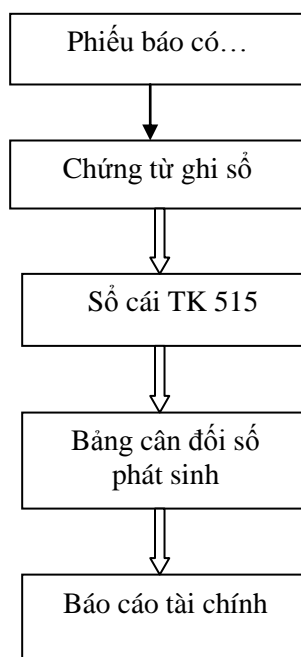
*** Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có ngân hàng
- Các chứng từ liên quan

*** Sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái TK 515

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

*** Ví dụ minh họa:** Ngày 31/10/2010 công ty thu lãi tiền gửi lãi tháng 10/2010 của ngân hàng techcombank, với số tiền là 4.315.174 đồng (phiếu báo có số 23 ngân hàng techcombank)

- Căn cứ phiếu báo có kế toán lập chứng từ ghi sổ
- Căn cứ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ cái TK 515

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Theo công văn số
21208/CT/AC

TECHCOMBANK KIEN AN

TECHCOMBANK

MST: 0100202095011

PHIẾU BÁO CÓ**Số: 23***Ngày 31 tháng 10 năm 2010*

Kính gửi: CÔNG TY HẢI LONG - BQP Số tài khoản: 102010000215811

Địa chỉ : 12 Lạch Tray – Hải Phòng Loại tiền: VND

MST : 0200148973-1

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số ID khách hàng : 20788765

Số bút hạch toán: FT0832660039/HPG

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lãi tiền gửi tại ngân hàng Techcombank	4.315.174,00
Tổng số tiền	4.315.174,00

Tiền bằng chữ: **Bốn triệu ba trăm mười lăm nghìn một trăm bảy mươi tư đồng**

Trích yếu : LÃI TIỀN GỬI NGÂN HÀNG TECHCOMBANK

Lập phiếu**Kiểm soát****Kế toán trưởng**

PHÒNG GIAO DỊCH
TECHCOMBANK KIẾN AN

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ**số: 222**

ngày 31 tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
.....					
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	4.315.174	BC23	31/10
.....					
Cộng			2.850.352.525		

Kèm theo...chứng từ gốc

*Ngày 31 tháng 10 năm 2010***Người lập***(Ký và ghi rõ họ tên)***Kê toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN**Năm 2010**

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

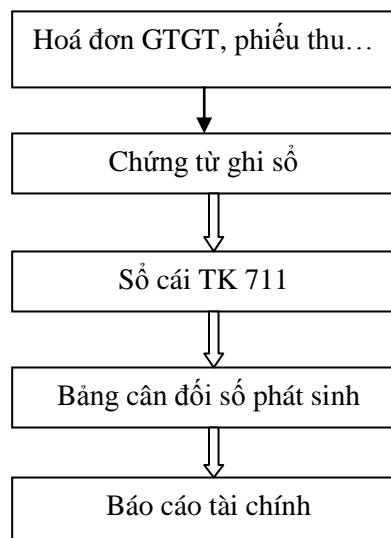
NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
			<u>Tháng 10/2010</u>			
					
31/10	222	31/10	Thu lãi tiền gửi NH	112		4.315.174
31/10	262	31/10	Kết chuyển doanh thu tháng 10/2010	911	13.515.463	
			Cộng số phát sinh		162.185.552	162.185.552
			Số dư cuối kỳ			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010***Người ghi sổ***(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký và ghi rõ họ tên)*

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác:

Thu nhập khác là tài khoản kế toán dùng để phản ánh khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Nội dung của thu nhập khác của công ty Hải Long – BQP gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Tiền thu được do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu từ bảo hành không sử dụng hết
- * Tài khoản sử dụng:
 - TK 711: thu nhập khác
- * Chứng từ sử dụng:
 - Hoá đơn GTGT
 - Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- * Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán thu nhập khác

* **Ví dụ minh họa:** Ngày 25/10/2010 công ty thanh lý một máy tiện. Thu nhập từ thanh lý 16.952.381 đồng (chưa VAT 5%). Hoá đơn GTGT 47

- Căn cứ vào hợp đồng thanh lý, kế toán lập chứng từ ghi sổ
- Từ CTGS kế toán vào sổ cái TK 711

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AE/2010B			
Liên 3: (Lưu nội bộ)		088847			
Ngày 25 tháng 10 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY Hải Long - BQP.....					
Địa chỉ: số 108 Phan Đình Phùng - Hồng Bàng - Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:..... MS		<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="1"/>		
Họ tên người mua hàng: Hoàng Ngọc Mai.....					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thăng Lợi.....					
Địa chỉ: Xã Phù Ninh, Thủy Nguyên, Hải Phòng.....					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS		<input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Máy tiện (thanh lý)	chiếc	1		16.952.381
Cộng tiền hàng:					16.952.381
Thuế suất GTGT:5%..... Tiền thuế GTGT					847.619
Tổng cộng tiền thanh toán:					17.800.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng chẵn					
.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ**số: 221**

ngày 31 tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
.....					
Thanh lý máy tiện	111	711	16.952.381	088847	25/10
Thuế GTGT phải nộp	111	3331	847.619	088847	25/10
.....					
Cộng			1.596.385.694		

Kèm theo...chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 Năm 2010

Người lập*(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN**Năm 2010**

TK 711 – Thu nhập khác

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
			<u>Tháng 10/2010</u>			
					
31/10	221	31/10	Thanh lý 1 máy tiện	111		16.952.381
31/10	262	31/10	kết chuyển thu nhập khác tháng 10/2010	911	112.778.384	
					
			Cộng số phát sinh		1.353.340.604	1.353.340.604
			Số dư cuối kỳ			

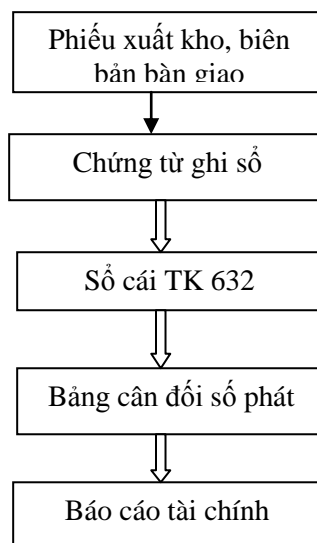
*Ngày 31 tháng 12 năm 2010***Người ghi sổ***(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký và ghi rõ họ tên)*

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí tại nhà máy X46 (Công ty Hải Long- BQP)

2.2.2.1. Kế toán giá vốn bán hàng.

Để phản ánh tình hình hiện có và biến động của hàng hoá cần xác định trị giá hàng nhập kho xuất kho. Trị giá vốn hàng xuất bán trong kỳ được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- * Tài khoản sử dụng:
 - TK 632: Giá vốn hàng bán
- * Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu xuất kho: được lập thành 3 liên
- + Liên 1: lưu ở bộ phận lập biểu
- + Liên 2: giao cho khách hàng
- + Liên 3: thủ kho giữ để ghi theo kho và sau đó chuyển cho kế toán để ghi sổ.
 - Biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế.
 - Các chứng từ thanh toán như: phiếu thu, uỷ nhiệm thu...
- * Sổ sách sử dụng:
 - Chứng từ ghi sổ
 - Sổ cái TK 632
- * Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.6: quy trình hạch toán giá vốn hàng bán*** Ví dụ minh họa:**

Ngày 5/10/2010 Công ty Hải Long bàn giao Tàu dầu 1000T Hồng Hà cho công ty vận tải Hồng Hà trị giá hợp đồng 2.885.714.286VNĐ (chưa có thuế GTGT 5%), trích hoá đơn GTGT số 088831.

Căn cứ vào biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế ngày 5/10/2010 và hoá đơn GTGT số 088831 kê toán lập chứng từ ghi sổ, vào sổ cái TK 632

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ**số: 254**

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
.....					
Bàn giao tàu Hồng Hà	632	154	2.812.731.552	HĐ20/BB	05/10
.....					
Cộng			9.013.396.058		

Kèm theo...chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Người lập

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN**Năm 2010**

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
			<u>Tháng 10/2010</u>			
31/10	254	31/10	Giá vốn đóng tàu Hồng Hà	154	2.812.731.552	
					
31/10	261	31/10	Kết chuyển giá vốn tháng 10/2010	911		9.013.396.058
					
			Cộng số phát sinh		108.160.752.773	108.160.752.773
			Số dư cuối kỳ			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010***Người ghi sổ***(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký và ghi rõ họ tên)*

2.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là khoản gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ do chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

*** Tài khoản sử dụng:**

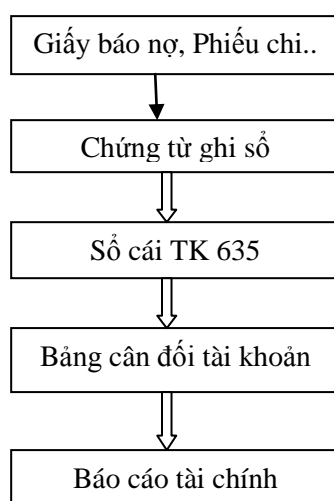
- TK 6351: trả lãi vay, phí chuyển tiền
- TK 6352: Lỗ chênh lệch tỷ giá

*** Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Các chứng từ có liên quan khác

*** Sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 635

*** Quy trình hạch toán:****Sơ đồ 2.7: quy trình hạch toán chi phí tài chính**

*** Ví dụ minh họa:** ngày 21/10/2010 công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng sacombank với số tiền là 1.583.927 đồng

- Từ phiếu báo nợ số 27 kế toán lập CTGS
- Từ CTGS kế toán vào sổ cái TK 635

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Theo công văn số
21208/CT/AC

SACOMBANK

TECHCOMBANK

MST: 0100202094061

PHIẾU BÁO NỢ**Số: 27***Ngày 21 tháng 10 năm 2010*

Kính gửi: CÔNG TY HẢI LONG - BQP Số tài khoản: 102010000214911

Địa chỉ : 108 Phan Đình Phùng – Hải Phòng Loại tiền: VND

MST : 0200148973-1

Loại tài khoản: TIEN VAY

Số ID khách hàng : 20784865

Số bút hạch toán: FT0832660039/HPG

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi vay tại ngân hàng sacombank	1.583.927,00
Tổng số tiền	1.583.927,00

Tiền bằng chữ: **Một triệu năm trăm tám mươi ba nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng**

Trích yếu : TRẢ LÃI VAY NGÂN HÀNG SACOMBANK

Lập phiếu**Kiểm soát****Kế toán trưởng**

PHÒNG GIAO DỊCH
SACOMBANK

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ**số: 255**

ngày 31 tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
.....					
Trả lãi vay ngân hàng	635	112	1.583.927	PBN27	21/10
.....					
Cộng			3.311.720		

Kèm theo...chứng từ gốc

*Ngày 31 tháng 10 Năm 2010***Người lập***(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN**Năm 2010**

TK 635 – Chi phí tài chính

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
			<u>Tháng 10/2010</u>			
					
31/10	255	31/10	Trả lãi vay ngân hàng	112	1.583.927	
31/10	261		K/C chi phí tài chính tháng 10/2010	911		3.311.720
					
			Cộng số phát sinh		39.740.642	39.740.642
			Số dư cuối kỳ			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010***Người ghi sổ***(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký và ghi rõ họ tên)*

2.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí bán hàng:

Chi phí bán hàng là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp hàng hóa, dịch vụ bao gồm: chi phí chào bán, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 6411: chi phí nhân viên
- TK 6413: chi phí dụng cụ đồ dùng ngoài
- TK 6414: chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: chi phí bảo hành
- TK 6417: chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: chi phí bằng tiền khác

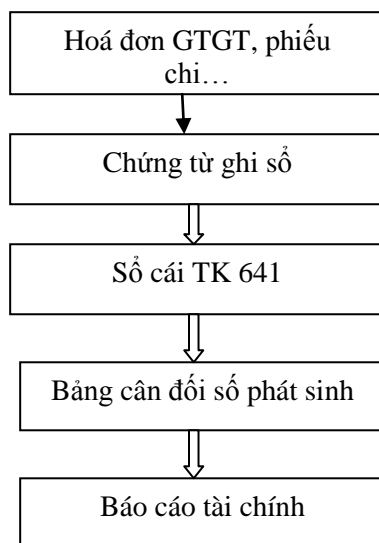
*** Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT, phiếu chi...
- Bảng tính phân bổ tiền lương
- Bảng tính phân bổ khấu hao

*** Sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 641

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.8: quy trình hạch toán chi phí bán hàng

* **Ví dụ minh họa:** ngày 31/10/2010 thanh toán tiền ăn ca cho nhân viên bán hàng số tiền là: 9.808.000 đồng. kế toán ghi phiếu chi

- Căn cứ vào phiếu chi kế toán vào chứng từ ghi sổ
- Từ chứng từ ghi sổ kết toán vào sổ cái

Đơn vị: **Công ty Hải Long - BQP**

Mẫu số 01-TT

Địa chỉ: 108 Phan Đình Phùng-HP

Ban hành theo quyết định số 15/2006-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính

Số CT: 588

PHIẾU CHI

Ngày: 31/10/2010

Nợ TK 6411: 9.808.000

Có TK 111: 9.808.000

Người nhận tiền: Nguyễn Thị Thảo
Địa chỉ: 108 Phan Đình Phùng-HP
Lý do chi: Thanh toán tiền ăn ca cho nhân viên bán hàng
Số tiền: 9.808.000
Bằng chữ: *chín triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng chẵn*
Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ**số: 256**

ngày 31 tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
.....					
Thanh toán tiền ăn ca cho NV bán hàng	641	111	9.808.000	PC588	31/10
.....					
Cộng			105.116.167		

Kèm theo...chứng từ gốc

*Ngày 31 tháng 10 Năm 2010***Người lập****Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)**(Ký và ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN**Năm 2010**

TK 641 – chi phí bán hàng

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
			<u>Tháng 10/2010</u>			
					
31/10	256	31/10	Thanh toán tiền ăn ca T10/2010	111	9.808.000	
31/10	261	31/10	K/C chi phí bán hàng T10/2010	911		105.116.167
					
			Cộng số phát sinh		1.261.394.000	1.261.394.000
			Số dư cuối kỳ			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010***Người ghi sổ***(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký và ghi rõ họ tên)*

2.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài khác (điện, fax, cháy nổ..), chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

*** Tài khoản sử dụng:**

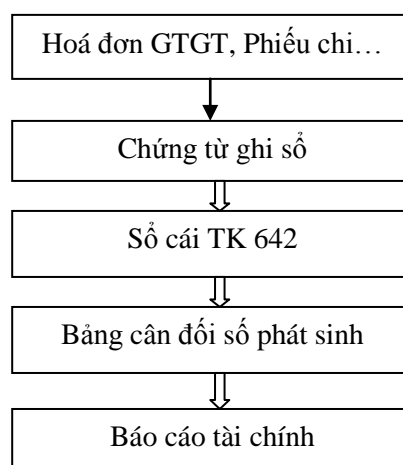
- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ lương, bảng tính khấu hao TSCĐ...

*** Sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái TK 642.

*** Quy trình hạch toán:****Sơ đồ 2.9: quy trình hạch toán chi phí QLDN**

*** Ví dụ minh họa:** Ngày 19/10/2010 công ty thanh toán tiền đở mực máy photocopy cho công ty TNHH Hà Hoa với tổng số tiền cả thuế là 1.650.000 đồng.

- Căn cứ vào hoá đơn GTGT kế toán lập chứng từ ghi sổ
- Từ CTGS kế toán vào sổ cái TK 642

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AE/2010B			
Liên 3: (Lưu nội bộ)		028475			
Ngày 19 tháng 10 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH Hà Hoa.....					
Địa chỉ: số 15 Hoàng Văn Thụ - HP.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:..... MS		<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Hải Long - BQP.....					
Địa chỉ: Số 108 Phan Đình Phùng - HP.....					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS		<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Mực X 256	Hộp			1.500.000
Tổng cộng tiền hàng:					1.500.000
Thuế suất GTGT:10%.... Tiền thuế GTGT					150.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.650.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn					
.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ**số: 257**

ngày 31 tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
.....					
Thanh toán tiền mực máy photocopy T10/2010	642	111	1.500.000	PC576	19/10
.....					
Cộng			171.682.957		

Kèm theo...chứng từ gốc

*Ngày 31 tháng 10 Năm 2010***Người lập***(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN**Năm 2010**

TK 642 – Chi phí QLDN

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
			<u>Tháng 10/2010</u>			
					
31/10	257	31/10	Thanh toán tiền mực máy photocopy T10/2010	111	1.500.000	
31/10	261	31/10	K/C chi phí QLDN T10/2010	911		171.682.957
					
			Cộng số phát sinh		2.060.195.489	2.060.195.489
			Số dư cuối kỳ			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010***Người ghi sổ***(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký và ghi rõ họ tên)*

2.2.2.5. Kế toán chi phí khác:

Chi phí khác phản ánh chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra.

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 811: Chi phí khác

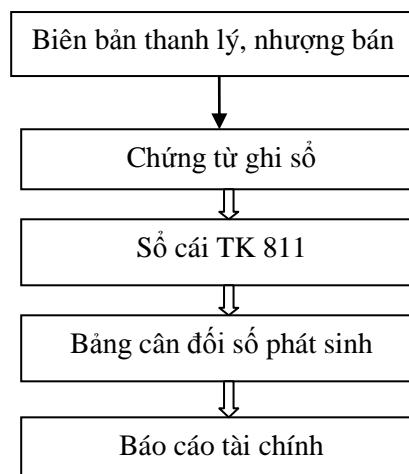
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Các chứng từ khác liên quan.

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.10: quy trình hạch toán chi phí khác



*** Ví dụ minh họa:** Chi phí vận chuyển liên quan đến hoạt động thanh lý ngày 25/10/2010 là 1.507.000 đồng (đã có thuế VAT 10%)

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AE/2010B			
Liên 3: (Lưu nội bộ)		042653			
Ngày 19 tháng 10 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY vận tải Phương Đông.....					
Địa chỉ: số 82A Lê Lai - Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:..... MS		<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Hải Long - BQP.....					
Địa chỉ: Số 108 Phan Đình Phùng - HP.....					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS		<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Chi phí vận chuyển				1.370.000
Tổng cộng tiền hàng:					1.370.000
Thuế suất GTGT:10%.... Tiền thuế GTGT					137.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.507.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn					
.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ**số: 259**

ngày 31 tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
Chi phí vận chuyển	811	111	1.370.000	HĐ042653	25/10
Cộng			1.370.000		

Kèm theo...chứng từ gốc

*Ngày 31 tháng 10 Năm 2010***Người lập***(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN**Năm 2010**

TK 811 – Chi phí khác

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
			<u>Tháng 10/2010</u>			
					
31/10	258	31/10	Chi phí vận chuyển	111	1.370.000	
31/10	261	31/10	K/C chi phí QLDN T10/2010	911		1.370.000
					
			Cộng số phát sinh		2.356.719	2.356.719
			Số dư cuối kỳ			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010***Người ghi sổ***(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký và ghi rõ họ tên)*

2.2.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính.

*** Tài khoản sử dụng :**

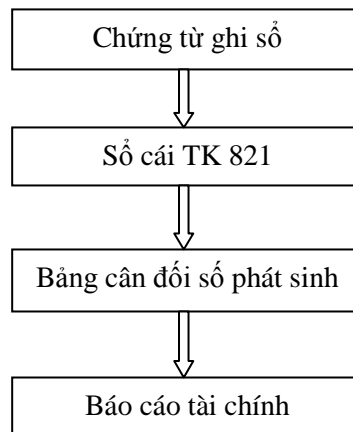
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

*** Sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 821

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ:2.11: quy trình hạch toán chi phí thuế TNDN



- * **Ví dụ minh họa:** Ngày 31/10/2010 công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
- Sau khi xác định kết quả kinh doanh, kế toán tính số thuế doanh nghiệp phải nộp và lập chứng từ ghi sổ
- Căn cứ CTGS kế toán vào sổ cái TK 821

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ**số: 260**

ngày 31 tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
.....					
Thuế TNDN phải nộp	8211	3334	106.446.280		31/10
Cộng			106.446.280		

Kèm theo...chứng từ gốc

*Ngày 31 tháng 10 Năm 2010***Người lập***(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm 2010

TK 821 – Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
			<u>Tháng 10/2010</u>			
31/10	260	31/10	Chi phí thuế TNDN phải nộp	3334	106.446.280	
31/10	261	31/10	K/C chi phí thuế TNDN T10/2010	911		106.446.280
					
			Cộng số phát sinh		1.280.876.170	1.280.876.170
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kì kế toán năm.

*** Tài khoản sử dụng :**

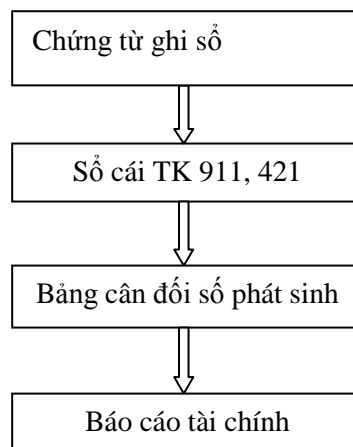
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

*** Sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 911, TK 421...

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.12: quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh



*** Ví dụ minh họa:**

- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh tháng 10/ 2010 kế toán lập CTGS
- Từ CTGS kế toán vào sổ cái TK 911, TK 421

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ**số: 261**

ngày 31 tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
K\c giá vốn hàng bán	911	632	9.013.396.058		31/10
K\c chi phí tài chính	911	635	3.311.720		31/10
K\c chi phí bán hàng	911	641	105.116.167		31/10
K\c chi phí QLDN	911	642	171.682.957		31/10
K\c chi phí khác	911	811	1.370.000		31/10
K\c thuế TNDN	911	821	106.446.280		31/10
Lợi nhuận chưa phân phối	911	421	319.338.840		31/10
Cộng			9.720.662.022		

Kèm theo...chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 Năm 2010

Người lập**Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)**(Ký và ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ**số: 262**

ngày 31 tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có		CT	NT
K\c doanh thu bán hàng	911	511	9.594.368.175		31/10
K\c doanh thu từ hoạt động tài chính	911	515	13.515.463		31/10
K\c thu nhập khác	911	711	112.778.384		31/10
Cộng			9.720.662.022		

Kèm theo...chứng từ gốc

*Ngày 31 tháng 10 Năm 2010***Người lập***(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm 2010

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
			<u>Tháng 10/2010</u>			
31/10	261	31/10	k\c giá vốn bán hàng	632	9.013.396.058	
31/10	261	31/10	k\c chi phí tài chính	635	3.311.720	
31/10	261	31/10	k\c chi phí bán hàng	641	105.116.167	
31/10	261	31/10	k\c chi phí QLDN	642	171.682.957	
31/10	261	31/10	k\c chi phí khác	811	1.370.000	
31/10	261	31/10	k\c chi phí thuế TNDN	821	106.446.280	
31/10	262	31/10	k\c doanh thu bán hàng	511		9.594.368.175
31/10	262	31/10	k\c doanh thu hoạt động tài chính	515		13.515.463
31/10	262	31/10	k\c thu nhập khác	711		112.778.384
31/10	261	31/10	k\c lợi nhuận chưa phân phối	421	319.338.840	
					
			Cộng số phát sinh		166.647.944.304	166.647.944.304
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY HẢI LONG - BQP
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng
Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN**Năm 2010**

TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	CTGS		Trích yếu	TK Đ.U'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
			<u>Tháng 10/2010</u>			
31/10	261	31/10	Lãi chưa phân phối	911		319.338.840
					
			Cộng số phát sinh		3.842.628.511	3.842.628.511
			Số dư cuối kỳ			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010***Người ghi sổ***(Ký và ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký và ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký và ghi rõ họ tên)*

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY HẢI LONG - BQP

Mẫu số B02-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: Số 108 Phan Đình Phùng - HP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010Đơn vị tính: *đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	115.132.418.148	105.955.667.688
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		115.132.418.148	105.955.667.688
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	108.160.752.773	99.180.785.880
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.971.665.375	6.774.881.808
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	162.185.552	487.764.345
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	39.740.642	72.768.563
8. Chi phí bán hàng	24		1.261.394.000	1.865.268.530
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.060.195.489	1.432.326.533
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.772.520.796	3.892.282.527
11. Thu nhập khác	31		1.353.340.604	26.895.000
12. Chi phí khác	32		2.356.719	26.895.000
13. Lợi nhuận khác	40		1.350.983.885	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.123.504.681	3.892.282.527
15. Chi phí thuế TNDN nghiệp hiện hành	51	VI.31	1.280.876.170	973.070.632
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.842.628.511	2.919.211.895
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

CHƯƠNG III: HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY HẢI LONG - BQP

3.1. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY HẢI LONG - BQP

3.1.1. Ưu điểm

Trải qua gần 50 năm hoạt động và phát triển công ty Hải Long - BQP đã ngày càng củng cố và phát triển. Những hợp đồng đóng tàu với giá trị lớn đáp ứng được yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước phần nào khẳng định được sự trưởng thành, lớn mạnh của công ty. Để có được những thành tựu như ngày nay thì không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên tận tụy, nhiệt tình với công việc chịu khó tìm tòi, học hỏi để đổi mới công ty, xây dựng công ty vững mạnh. Và đặc biệt là của đội ngũ nhân viên kế toán trong công ty với những nỗ lực trong việc theo kịp những yêu cầu về công tác tổ chức và hạch toán kế toán trong điều kiện nền kinh tế nước ta có nhiều sự chuyển biến.

Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh: Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty: Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ, chặt chẽ, mỗi người phụ trách một mảng riêng, có nhiệm vụ và quyền hạn đối với mỗi phần hành của mình. Cán bộ kế toán độc lập, trình độ năng lực chuyên môn cao, nhiệt tình và yêu nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Do vậy mà bộ máy kế toán của công ty luôn ổn định và đảm bảo cho việc theo dõi, báo sổ hàng tháng của công ty đúng hạn. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

Về hạch toán kế toán nói chung: Nhìn chung công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như chuẩn mực kế toán hiện hành, cụ thể:

+ ***Chứng từ kế toán:*** sử dụng chứng từ đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, kế toán ở phân hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phân hành đó. Vì vậy bảo đảm tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

+ ***Về sổ kế toán:*** Các sổ kế toán được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ và được in ra lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của Nhà nước. Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ, ưu điểm là đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.

+ ***Về hệ thống tài khoản sử dụng:*** Công ty sử dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quyết định số 15/2006/ QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính và chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung.

Về hạch toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh: Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng của công ty nên công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty hiện nay rất nhanh chóng và chính xác. Đồng thời cùng với sự hỗ trợ đắc lực bởi hệ thống máy vi tính với những chương trình được cài đặt sẵn, phần lớn doanh thu và chi phí đều được hạch toán và theo dõi chi tiết, chặt chẽ theo từng vụ việc giúp cho việc đánh giá hiệu quả của từng hợp đồng kinh tế được dễ dàng. Đồng thời đảm bảo thống

nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, đáp ứng yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2. Những mặt tồn tại cần khắc phục.

Bên cạnh những ưu điểm về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu - xác định kết quả kinh doanh nói riêng, công ty còn một số mặt tồn tại:

Tồn tại 1: Về sổ sách kế toán.

Việc sử dụng mẫu sổ trong hạch toán doanh thu, chưa đủ so với quy định chung của Bộ tài chính (quyết định 15/2006 QĐ – BTC ban hành ngày 20/03/2006). Cụ thể là:

Hiện tại công ty đang sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ, mặc dù Chứng từ ghi sổ đã được lập nhưng thiếu Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ khiến cho việc quản lý các chứng từ ghi sổ không được chặt chẽ, các chứng từ ghi sổ không được sắp xếp thuận lợi cho việc vào Sổ cái, khó khăn cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa Sổ đăng ký chứng từ và Bảng cân đối số phát sinh.

Tồn tại 2: Về việc luân chuyển chứng từ

Chứng từ kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc lập phiếu xuất kho ở công ty chưa kịp thời nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định.

Bên cạnh đó, việc tập hợp luân chuyển chứng từ không có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ của các bộ phận nên gây ra tình trạng chậm trễ trong quá trình đưa chứng từ đến phòng tài vụ để xử lý làm cho chứng từ bị ứ đọng, kỳ sau mới xử lý được gây nên tình trạng quá tải khi chứng từ về cùng một lúc.

Tồn tại 3: Chính sách tiêu thụ sản phẩm.

Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó tạo ra sức hấp dẫn lôi cuốn và thu hút khách hàng.

Công tầu Hải Long - BQP trong quá trình tiêu thụ không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thương mại cho khách hàng mua với số lượng lớn.

Việc không áp dụng chính sách ưu đãi này sẽ làm giảm không nhỏ một số lượng khách hàng của công ty và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty.

Tồn tại 4: Máy móc, trang thiết bị trong công ty

Máy móc, thiết bị đã được đầu tư từ hàng chục năm trước, hầu hết máy móc đều cũ, hỏng hóc nhiều, hoạt động kém hiệu quả, thời gian khấu hao cũng hết, chi phí sửa chữa cao lại hay phải sửa chữa nhiều, sửa chữa thường kéo dài. Một số máy móc không sử dụng được làm ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh, cũng như doanh thu tiêu thụ của công ty.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY HẢI LONG - BQP.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Hải Long - BQP.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nói chung và hoàn thiện công tác kế toán doanh thu - xác định kết quả kinh doanh nói riêng là sự cần thiết khách quan. Bởi:

Thứ nhất, do yêu cầu của sự phát triển kinh tế cần thiết phải có những thông tin tài chính chính xác, hiệu quả, đáng tin cậy. Các thông tin kế toán vừa mang tính định tính vừa mang tính định lượng, các thông tin này rất quan trọng đối với những đối tượng sử dụng thông tin. Thông tin kế toán cung cấp không chỉ quan trọng đối với bản thân doanh nghiệp mà còn rất quan trọng với Nhà nước trong việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ, từ đó nghiên cứu bổ xung chính sách, chế độ phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp và điều kiện thực tế của đất nước.

Thứ hai, mỗi doanh nghiệp khi hoạt động sản xuất kinh doanh đều mong muốn đạt hiệu quả kinh doanh cao. Các công ty cần đưa ra những quyết định để nâng cao doanh thu, tiết kiệm và hạ thấp chi phí, không ngừng nâng cao lợi nhuận. Để làm được điều đó thì thông tin về kinh tế, tài chính về kinh tế là rất quan trọng cho bản thân các nhà lãnh đạo doanh nghiệp. Thông tin mà kế toán cung cấp phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, hiệu quả để cung cấp tốt nhất cho nhà quản trị, cho các nhà đầu tư,.. Để đảm bảo được yêu cầu sử dụng và cung cấp thông tin, công ty cổ phần sơn Hải Phòng cần hoàn thiện công tác kế toán nói chung đặc biệt là hoàn thiện kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Thứ ba, trong bối cảnh hệ thống kế toán Việt Nam hiện nay đang từng bước trong lộ trình hoàn thiện nhằm phù hợp với sự phát triển của kế toán quốc tế nhưng cũng phải đảm bảo thích hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của Việt Nam. Cụ thể Việt Nam đã ban hành luật kế toán, và gần đây hệ thống chuẩn mực kế toán dựa theo nguyên tắc tuân thủ các thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế. Tuy nhiên quá trình đổi mới đó đang trong giai đoạn đầu nên khó tránh khỏi những bất cập. Hệ thống kế toán Việt Nam đang cần có những sửa đổi, bổ xung để hoàn thiện sao cho phù hợp với điều kiện Việt Nam. Trong đó, kế toán về doanh thu, xác định kết quả kinh doanh là một phần rất quan trọng cần được hoàn thiện.

Do đó, hoàn thiện kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh là một nhu cầu tất yếu và cần thiết trong điều kiện của Việt Nam hiện nay nói chung và tại công ty Hải Long - BQP nói riêng.

3.2.2. Yêu cầu và nội dung hoàn thiện kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh tại công ty Hải Long - BQP.

3.2.2.1. Yêu cầu hoàn thiện

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu một cách chính xác, kịp thời là điều kiện hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng: đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước; đối với ngân hàng – giúp cho việc tính lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi; đặc biệt là giúp cho ban lãnh đạo của doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng; minh bạch và công khai, đây là điều đặc biệt quan tâm của các doanh nghiệp và đối tác tham gia góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi. Bất kì doanh nghiệp nào dù là tư nhân hay Nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí, thu được lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

3.2.2.2. Nội dung hoàn thiện

* **Kiến nghị 1: Về sổ sách kế toán**

Công ty còn thiếu sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ trong việc ghi sổ, điều này là chưa phù hợp so với quy định của Bộ tài chính. Vì vậy công ty cần xem xét, bổ sung cho phù hợp, thống nhất với quy định.

Nội dung:

Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian (nhật ký). Sổ này vừa để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý các chứng từ ghi sổ, vừa để kiểm tra đối chiếu số liệu với bảng cân đối số phát sinh.

Kết cấu và phương pháp ghi chép:

- Cột A: Ghi số hiệu của Chứng từ ghi sổ
- Cột B: Ghi ngày, tháng lập Chứng từ ghi sổ
- Cột 1: Ghi số tiền của Chứng từ ghi sổ

- Cuối trang sổ phải cộng số lũy kế để chuyển sang trang sau
- Đầu trang sổ phải ghi số trang trước chuyển sang
- Cuối tháng, cuối năm, kế toán cộng tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, lấy số liệu đối chiếu với Bảng cân đối số phát sinh.

Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ giúp cho việc quản lý các chứng từ ghi sổ được chặt chẽ, các chứng từ ghi sổ được sắp xếp thuận lợi cho việc vào Sổ cái, kiểm tra đối chiếu được dễ dàng giữa sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ với Bảng cân đối số phát sinh. Mẫu sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo quyết định 15/2006 QĐ – BTC như sau:

Đơn vị:

Mẫu số S02b-DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
SH	NT		SH	NT	
A	B	1	A	B	1
Cộng tháng			Cộng tháng		
Cộng lũy kế từ đầu quý			Cộng lũy kế từ đầu quý		

Sổ này có...trang, đánh số từ trang số...đến trang số...

Ngày mở sổ...

Ngày ...tháng ...năm...

Người ghi sổ

(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký và ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty Hải Long
- BQP

Mẫu số S02b-DN

Địa chỉ: Số 108 Phan Đình
Phùng - HP

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
SH	NT		SH	NT	
A	B	1	A	B	1
...			255	31/10	3.311.720
	Tháng 10/2010		256	31/10	105.116.167
...			257	31/10	171.682.957
221	31/10	1.596.385.694	...		
222	31/10	2.850.385.694	259	31/10	1.370.000
...			260	31/10	106.446.280
227	31/10	6.856.879.075	261	31/10	9.720.662.022
...			262	31/10	9.720.662.022
254	31/10	9.013.396.058			
cộng tháng			cộng tháng		
cộng lý kế từ đầu quý			cộng lũy kế từ đầu quý		

Sổ này có...trang, đánh số từ trang số...đến trang số...

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký và ghi rõ họ tên)

*** *Kiến nghị 2: Về việc luân chuyển chứng từ.***

Việc luân chuyển chứng từ từ kho hay chi nhánh sang phòng tài vụ để xử lý còn chậm trễ gây nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới việc xác định giá vốn hàng bán, công việc bị dồn ứ sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán, làm nhân viên kế toán phải vất vả trong công việc. Vì vậy công ty cần có những biện pháp quy định về ngày luân chuyển chứng từ nhất định trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời.

*** *Kiến nghị 3: Về chính sách bán hàng***

Chính sách bán hàng có vai trò rất quan trọng trong việc tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm. Vì thế công ty nên xem xét và bổ sung thêm chính sách chiết khấu thương mại nhằm tăng số lượng khách hàng, tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Theo quy định của bộ tài chính, để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521 và phải đảm bảo nguyên tắc: chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp khách hàng mua nhiều lần mới đạt tới mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán ghi trên hóa đơn lần cuối cùng

*** *Kiến nghị 4: Hoàn thiện hệ thống máy móc, trang thiết bị trong công ty.***

Máy móc, thiết bị đóng vai trò rất lớn trong quá trình sản xuất kinh doanh trong mỗi doanh nghiệp. Tuy nhiên, hầu hết máy móc, thiết bị trong công ty đều cũ, hỏng, một số không sử dụng được làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Vì vậy, công ty nên đầu tư vào việc mua sắm, làm mới máy móc, trang thiết bị để nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như doanh thu, đồng thời giảm được các chi phí về sửa chữa máy móc. Ngoài ra, việc đầu tư mới máy móc, thiết bị sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tính cạnh tranh trên thị trường trong nước cũng như quốc tế.

3.2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh tại công ty Hải Long - BQP

3.2.3.1. Về phía Nhà nước và cơ quan chức năng

+ Nhà nước cần phải xem xét lại toàn bộ các quy định quản lý tài chính về

doanh thu, chi phí, loại bỏ những quy định quá cụ thể mang tính bắt buộc không phù hợp với doanh nghiệp.

+ Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng. Ban hành các quyết định, thông tư trong chế độ kế toán mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ tạo điều kiện cho công ty hoạt động dễ dàng và có hiệu quả.

+ Có chính sách hỗ trợ trong quá trình công ty đầu tư trang thiết bị máy móc kĩ thuật để khuyến khích các công ty phát triển.

3.2.3.2. Về phía công ty Hải Long - BQP.

Các công ty là nơi trực tiếp vận dụng và thực hiện kế toán doanh thu - xác định kết quả kinh doanh để tạo điều kiện cho việc hoàn thiện công tác kế toán được hiệu quả, các công ty cần phải:

+ Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế toán tài chính năm 2010, quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm chống lãng phí. Triệt để cắt giảm chi phí không cần thiết, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính, có các biện pháp tích cực thu hồi công nợ, nắm bắt khả năng thanh toán của các đơn vị khách hàng để ngăn ngừa tình trạng thất thoát tiền vốn để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Cần tổ chức sắp xếp lại bộ máy kế toán doanh nghiệp theo hướng kết hợp bộ phận kế toán tài chính và bộ phận kế toán quản trị cùng một bộ máy kế toán. Trên cơ sở đó, bộ phận kế toán quản trị sử dụng các thông tin đầu vào chủ yếu từ kế toán tài chính để thu thập, xử lý và lượng hóa thông tin theo các chức năng riêng.

+ Về nguồn nhân lực kế toán: Có chính sách đào tạo lại cũng như nâng cao nghiệp vụ chuyên môn về kế toán để đội ngũ các nhân viên kế toán nắm vững nghiệp vụ kinh tế, luật kế toán tài chính doanh nghiệp, thích ứng yêu cầu đòi hỏi của nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó đội ngũ kế toán còn phải là

người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc, nắm vững nghiệp vụ trong vị thế được giao, biết cách thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung của cuốn luận văn tốt nghiệp với đề tài “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Hải Long - BQP

Qua thời gian thực tập được tìm hiểu giữa lí luận với thực tiễn tại công ty Hải Long - BQP. Em thấy công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng vừa mang tính lí luận vừa mang tính thực tiễn và là một công cụ quan trọng trong quá trình quản lí doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp các số liệu về kế toán để kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ ...của công ty. Đồng thời phản ánh đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó công ty Hải Long - BQP đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty, do trình độ còn hạn chế và thời gian không có nhiều nên chuyên đề không tránh khỏi những thiếu sót. Vậy em rất mong nhận được sự giúp đỡ, đóng góp của ban lãnh đạo công ty, các thầy cô giáo và các anh chị trong phòng kế toán để em hoàn thành chuyên đề này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô đặc biệt là T.S Trần Văn Hợi cùng các cô chú phòng kế toán trong công ty Hải Long - BQP đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành chuyên đề này.

Hải Phòng, Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Sinh viên:

Lương Thị Ngọc Điệp

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1, Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính _Nhà xuất bản Tài chính năm 2006.
- 2, Chuẩn mực kế toán số 14
- 3, Khóa luận các khóa 9, 10 tại thư viện trường
- 4, Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009
- 5, Tài liệu ISO và các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2010 của công ty Hải Long - BQP